

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Xã Thanh Đình nằm ở phía tây thành phố Việt Trì, cách trung tâm thành phố 10 km, phía Đông giáp KCN xã Thụy Vân; phía Tây giáp xã Sơn Vi, Cao Xá; phía Nam giáp xã Thụy Vân; phía Bắc giáp xã Chu Hóa. Tổng diện tích đất tự nhiên là 804,04 ha (trong đó: Đất nông nghiệp: 541,41 ha chiếm 67,34%; Đất phi nông nghiệp: 260,06 ha, chiếm 32,34%; Đất chưa sử dụng: 2,57 ha, chiếm 0,32%). Dân số có 8.650 nhân khẩu với 2.656 hộ, phân giới hành chính xã có 7 khu dân cư. Trên địa bàn xã có 01 đình (được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh), 01 ngôi chùa.

Đảng bộ xã có 338 đảng viên, sinh hoạt ở 13 chi bộ trực thuộc (trong đó có 07 chi bộ khu dân cư, 03 chi bộ trường học, 01 chi bộ công ty Trường Thịnh, 01 chi bộ Hợp tác xã và 01 chi bộ Công an xã).

Địa phương luôn đẩy mạnh các ngành nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng thu nhập cho người dân bình quân thu nhập đầu người năm 2022 là 55,658 triệu đồng/khẩu/năm. Từ những việc làm cụ thể đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh còn 7 hộ = 0,26%; hộ cận nghèo 13 hộ = 0,48%; Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt 96,9%; tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hoá cấp Thành Phố 7/7 = 100%; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới. Tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 98,5%; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển ổn định, vững chắc, chất lượng giáo dục được nâng lên, duy trì trường chuẩn Quốc gia ở cả ba cấp học (riêng trường Tiểu học đạt chuẩn mức độ 2). Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, Đảng bộ, chính quyền, các ngành đoàn thể trong xã nhiều năm là đơn vị vững mạnh. Đến nay, xã đã hoàn thành 19/19 tiêu chí với 75/75 chỉ tiêu.

2. Thuận lợi

Trong quá trình xây dựng xã NTM nâng cao luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Phú Thọ; Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Việt Trì và các ban, ngành, đoàn thể đã định hướng, hỗ trợ xã Thanh Đình thực hiện phong trào xây dựng xã NTM nâng cao.

Tháng 11 năm 2016 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đây là tiền đề vững chắc để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Thanh Đình tiếp tục vươn lên thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ phát triển KT-XH giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2021-2025 với nhiều thay đổi căn bản: Nông thôn được quy hoạch phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, gắn với phát triển đô thị; cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp ngày càng đồng bộ, hiện đại, phục vụ có hiệu quả cho sản xuất và phục vụ đời sống của nhân dân; an sinh xã hội được quan tâm và được cải thiện đáng kể; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, phong trào “Toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được nhân dân hưởng ứng tích cực; môi trường ngày càng được cải thiện theo hướng cảnh quan xanh - sạch - đẹp; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, dân chủ ở cơ sở ngày càng được nâng cao, nhận thức, ý thức trách nhiệm làm chủ của người dân cũng được nâng lên; quốc phòng được bảo đảm, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo động lực cho phát triển kinh tế xã hội. Đây cũng là tiền đề để xã hoàn thành tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

3. Khó khăn

- Đất đai, đồng ruộng không bằng phẳng, manh mún, khó cho công tác áp dụng cơ giới vào sản xuất, không có các doanh nghiệp lớn đứng trên địa bàn.
- Nội lực trong nhân dân không đồng đều, thu nhập chủ yếu do người dân trong độ tuổi lao động đi làm trong các nhà máy khu công nghiệp; Nguồn thu ngân sách trên địa bàn còn hạn chế.
- Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài, có thời điểm bùng phát mạnh trên địa bàn xã, đến tháng 5/2022 dịch bệnh mới được kiểm soát. Do vậy ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân, tiến độ triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao.
- Sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường đã ảnh hưởng tiêu cực đến triển khai các nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới. Thời gian đầu triển khai còn lúng túng vì chưa có mô hình để học tập, một số tiêu chí thực hiện khó khăn vì nguồn lực đầu tư lớn trong việc thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao.
- Khi triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo tiêu chí tại Quyết định 2662/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc

ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 gồm 17 tiêu chí. Đến ngày 23/9/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2517/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới và Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021–2025 gồm 19 tiêu chí, 75 chỉ tiêu. Do đó, việc thực hiện cần phải có sự nỗ lực, quyết tâm rất cao của cả hệ thống chính trị mới có thể phấn đấu hoàn thành trong tháng 6 năm 2023.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của Trung ương, tỉnh, thành phố cụ thể:

- Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 2870/KH-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 2173/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND thành phố Việt Trì về việc xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

- Ngày 03/5/2021, Đảng ủy xã Thanh Đình ban hành Nghị quyết số 20-NQ/ĐU về phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Thanh Đình giai đoạn 2021-2025;

- Ngày 06/5/2021, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch số 24/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 03/5/2021 về Phát triển kinh tế-xã hội và Thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Thanh Đình giai đoạn 2021 – 2025.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tháng 11 năm 2016, xã Thanh Đình được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, không dừng lại ở đó, Đảng ủy, HĐND, UBND xã và BCĐ xây dựng NTM xã tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Khi được UBND thành phố chọn xây dựng xã NTM nâng cao. Xã đã chủ động xây dựng Nghị quyết, chương trình kế hoạch thực hiện để phấn đấu đạt chuẩn xã NTM nâng cao trong năm 2023.

Sau khi có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-ĐU ngày 03/5/2021 lãnh đạo về phát triển kinh tế xã hội và thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Thanh Đình giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ đạo UBND xã ban hành Quyết định kiện toàn Ban quản lý xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, khu dân cư NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025. Xây dựng kế hoạch, các văn bản hướng dẫn và đôn đốc các bộ phận, các cơ quan tổ chức, khu dân cư thực hiện.

- UBND xã đã tham mưu với BCH Đảng bộ tổ chức hội nghị BCH đảng bộ mở rộng để triển khai kế hoạch tới các tổ chức chính trị xã hội, chi bộ, các khu dân cư thực hiện.

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội ký kết chương trình phối hợp số 01/TTr-PH ngày 01/6/2021 giữa Ủy ban MTTQ xã với các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

2. Công tác truyền thông, đào tạo tập huấn

a) Công tác truyền thông

Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, huy động các nguồn lực để củng cố các tiêu chí đã đạt được, hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu, chỉ đạo các khu dân cư tu sửa, chỉnh trang các nhà văn hóa, vận động nhân dân đầu tư chỉnh trang nhà cửa, trồng cây, hoa tường rào, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, làm tốt công tác vệ sinh môi trường đã nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân.

Ban chỉ đạo xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền nội dung Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến mọi tổ chức và người dân trong xã. Đã tổ chức 56 hội nghị với 2.940 lượt người tham gia, phát hành trên 680 bộ tài liệu; từ năm 2021 đến năm 2022 đã trắng treo 70 băng zôn, 101 pa nô, 40 khẩu hiệu tường, áp phích; trưng bày 1 cụm pa nô 12m² công bố quy hoạch ngoài trời tại khu trung tâm, 09 biển tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Hợp tác xã nông nghiệp và

nhà văn hoá các khu dân cư. Đối với các Ban phát triển các khu đã tổ chức 82 cuộc họp để triển khai các nhiệm vụ về xây dựng NTM.

Đài truyền thanh của xã phát được 426 lượt tin bài, tuyên truyền, phổ biến về nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, khu nông thôn mới kiểu mẫu; có nhiều bài biểu dương các hộ gia đình, các tổ chức cá nhân, các đơn vị thực hiện tốt chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao, khu nông thôn mới kiểu mẫu.

Phối hợp với Ủy ban MTTQ và các đoàn thể, nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động **“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”** gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao và phong trào thi đua **“Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới”**, từ đó tạo sự thống nhất và đồng thuận của nhân dân.

Công tác tuyên truyền, vận động luôn được coi trọng đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi cán bộ và người dân, khắc phục tình trạng chông chờ ỷ lại; khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, huy động sức mạnh của cả cộng đồng tham gia xây dựng nông thôn mới.

b) Công tác đào tạo, tập huấn

UBND xã đã tổ chức tập huấn 6 hội nghị cho Bí thư chi bộ, Trưởng khu dân cư, Trưởng ban công tác mặt trận khu dân cư, Ban phát triển thôn, người có uy tín tại cộng đồng khu dân cư về chuyên đề hướng dẫn xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu với hơn 117 lượt người tham dự, cấp phát hàng trăm tài liệu, tờ rơi về xây dựng nông thôn mới. Qua đó đã nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát tại cộng đồng về công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Tổ chức cho cán bộ thăm quan học tập thực tế xây dựng nông thôn mới nâng cao tại xã Cao xá – Huyện Lâm Thao.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân.

a. Công tác phát triển kinh tế nông thôn

Đảng ủy, HĐND, UBND, các ban ngành đoàn thể của xã, HTX Nông nghiệp đã vận động nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp theo hướng sản xuất hàng hóa. Chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Tổ chức phân vùng sản xuất, mở rộng diện tích trồng các giống J02, lúa chất lượng cao, với quy mô vụ chiêm 169,53 ha, vụ mùa 60 ha, Năng suất lúa hàng năm trên địa bàn xã luôn đạt trên 5,9 tấn/ha, giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác năm 2022 đạt trên 125 triệu đồng/ha, mở rộng mô hình các loại cây có giá trị và hiệu quả kinh tế

cao. Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề, dịch vụ làng nghề, tạo việc làm thu nhập cho người lao động. Đến nay xã đã có 01 làng nghề Hoa đào, 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 gia trại có thu nhập bình quân hàng năm từ 1,2 tỷ đồng/hộ/năm trở lên. Tổng đàn Trâu, bò có 479 con (trâu 7 con, bò 472 con); bê, nghé 60 con, đàn lợn 1.550 con; gia cầm các loại 35.000 con. Thu nhập từ chăn nuôi trị giá 26,520 tỷ đồng/năm. Diện tích nuôi trồng thủy sản 63 ha, tổng sản lượng đạt 189 tấn/năm. Thu nhập từ thủy sản trị giá 7,560 tỷ đồng/năm.

b. Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn được ưu tiên, tạo điều kiện phát triển. Khuyến khích phát triển các ngành nghề để thu hút lao động tại địa phương như: Sản xuất đồ mộc, cơ khí, nhôm kính, xây dựng... tạo điều kiện cơ chế chính sách để các hộ tiếp cận nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho hộ gia đình. Đến nay, trên địa bàn xã có 12 công ty, 480 hộ làm nghề dịch vụ thương mại hoạt động trên địa bàn và có trên 3.775 lao động làm việc trong các Công ty, doanh nghiệp trong và ngoài địa phương, thu nhập trên 6,5 triệu đồng/người/tháng với tổng thu nhập công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và thu nhập khác 370,686 tỷ đồng.

UBND xã tiếp tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thương mại dịch vụ được mở rộng như: Cửa hàng kinh doanh tổng hợp, vận tải, ăn uống... tiếp tục phát triển, chất lượng phục vụ và thu nhập từ hoạt động thương mại, dịch vụ được nâng lên rõ rệt.

c. Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo thường xuyên được quan tâm, thực hiện tốt chính sách với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tạo điều kiện cho các hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, tham gia các chương trình dự án đầu tư hỗ trợ của nhà nước, thực hiện tốt công tác dạy và truyền nghề cho lao động nông thôn, gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động đi nước ngoài làm việc, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Hiện nay, xã có 7 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,26 %; có 13 hộ cận nghèo, chiếm 0,48%). Tổng thu nhập từ xuất khẩu lao động trên địa bàn là 37,410 tỷ đồng.

Tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách của nhà nước về thương binh, liệt sỹ, chăm sóc người có công, các chế độ bảo trợ xã hội. Thực hiện có hiệu quả các hoạt động nhân đạo từ thiện, các chủ trương, chính sách của Nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời. Tích cực phối hợp đào tạo nghề, tư vấn việc làm, xuất khẩu lao động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã đã góp phần cải thiện thu nhập cho người dân trên địa bàn.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Trong quá trình triển khai thực hiện từ khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 đến nay, địa phương đã tranh thủ huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách cấp trên đã vận động tạo phong trào toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới, huy động đóng góp ủng hộ của các tổ chức cá nhân, các mạnh thường quân và con em công tác trên khắp mọi miền tổ quốc ủng hộ bằng tiền và hiện vật, ngày công để tập trung xây dựng nông thôn mới. **Với tổng số tiền: 53.951.641.636 đồng**, trong đó vốn từ ngân sách nhà nước là **36.851.641.636 đồng** Cụ thể:

- + Vốn CTMT quốc gia XDNT mới: 2.277.450.000 đ;
- + Nguồn vốn ngân sách tỉnh, thành phố: 28.917.621.000 đ;
- + Nguồn ngân sách xã: 2.000.000.000 đ;
- + Nguồn vốn từ doanh nghiệp: 3.656.570.636 đ;

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và nhân dân: 17.100.000.000 đ.

Chính quyền và cả hệ thống chính trị đã làm tốt công tác tuyên truyền vận động, từ đó nhân dân đồng tình hưởng ứng hiến 2.380m² đất vườn, 500m² đất ở, 2.360m² đất nông nghiệp để xây dựng mở rộng đường giao thông nội đồng và kênh mương. Vận động huy động 3.791 ngày công lao động của nhân dân tham gia xây dựng chỉnh trang đường giao thông, trồng mới và chăm sóc đường hoa thường xuyên, vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh tạo cảnh quan sạch đẹp ở khu dân cư.

Việc xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào thi đua giữa các đơn vị, các khu dân cư, đem lại quyền lợi thiết thực, tạo động lực, niềm tin, phấn khởi trong nhân dân.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Xã Thanh Đình được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 tại Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ, UBND xã tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

2. Căn cứ Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025. Kết quả tự đánh giá xã Thanh Đình đạt 19/19 tiêu chí. Cụ thể như sau:

2.1. Tiêu chí số 1: Về quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Xã Thanh Đình đã xây dựng quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Đình đến năm 2030, tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại quyết định số 11930/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của UBND thành phố Việt Trì. Quy hoạch chung xây dựng xã làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án dự án đầu tư để tổ chức quản lý, kiểm soát, phát triển theo quy hoạch được duyệt.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

UBND xã tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy định của pháp luật và theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Theo Đề án quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Đình đến năm 2030 tỷ lệ 1/500 được ban hành kèm theo Quyết định số 11930/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của UBND thành phố Việt Trì

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

Khu trung tâm xã Thanh Đình được quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, được UBND thành phố Việt Trì phê duyệt tại quyết định số 11930/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của UBND thành phố Việt Trì với diện tích 47,06 ha;

Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư mới khu Mông xung 3,1 ha; Lá bàn 0,8 ha; Đục trò 0,5 ha; Hóc võ 3,4 ha; Rườn 0,6 ha; Rừng tre 1.0 ha các dự án quy hoạch đều phù hợp tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Kinh phí đã thực hiện: 11,843 tỷ đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 1: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.2. Tiêu chí số 2: Về giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%; Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp $\geq 85\%$

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa $\geq 50\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.

Giao thông là một tiêu chí quan trọng trong kết cấu hạ tầng của địa phương, do đó Đảng ủy, chính quyền đã tập chung lãnh đạo, chỉ đạo, rà soát các danh mục công trình, hạ tầng giao thông cần duy tu, bảo trì, huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn tạo cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch đẹp.

Trên địa bàn xã có 6,5 km đường giao thông, đường xã và đường trục xã đã được bê tông hóa và nhựa hóa 6,5 km/6,5 km đạt 100%, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ giao thông vận tải. Trên các tuyến đường được lắp đèn chiếu sáng và trồng mới 3,5 km cây xanh và cây bóng mát tạo cảnh quan: Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp.

Trên các tuyến đường trục xã có bố trí 6 biển chỉ dẫn, 30 biển báo giao thông, bố trí 12 gờ giảm tốc, 415 cột, với 415 bóng điện ở những nơi nguy hiểm đảm bảo an toàn giao thông và bố trí 100% hệ thống thoát nước (12 km rãnh dọc thoát nước, 1,2 km cống thoát nước ngang đường), đảm bảo không ngập úng, môi trường xanh-sạch-đẹp phục vụ người dân.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm.

Các tuyến đường xã đã được giao cho các tổ chức Hội phụ nữ, Hội nông dân, đoàn thanh niên, cựu chiến binh cùng các nhóm hộ gia đình đảm nhận quan tâm tiến hành bảo trì hàng năm, thường xuyên vệ sinh đường làng ngõ xóm,

quản lý hệ thống điện chiếu sáng, phát quang cây cỏ, vệ sinh khơi thông cống rãnh đảm bảo các tuyến đường sạch đẹp.

Tuyên truyền, vận động nhân dân duy trì và tiếp tục thực hiện mô hình phủ xanh tường rào, mô hình đường hoa, trồng cây xanh tại các tuyến đường trục xã, trục khu, liên khu và trục ngõ xóm.

Đường khu dân cư và đường liên khu dân cư có tổng chiều dài 58,5 km, được cứng hóa bằng bê tông xi măng là 58,5 km đạt 100%. Trên các tuyến đường khu dân cư và liên khu bố trí 02 điểm gờ giảm tốc 215 cột, với 215 bóng điện ở những nơi nguy hiểm đảm bảo an toàn cho nhân dân khi tham gia giao thông.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp.

Đường ngõ xóm được cứng hóa bằng bê tông xi măng với tổng chiều dài 46 km/51,4 km, đạt 89,5%. Trên các tuyến đường ngõ, xóm được bố trí 756 hệ thống đèn chiếu sáng, bố trí trồng 26 km cây xanh và hoa. 100% các tuyến đường giao cho Hội cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh Niên, Hội Nông Dân xã tự quản, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ và duy trì thường xuyên.

Tuyên truyền vận động các hộ dân, các hộ sản xuất kinh doanh thường xuyên thực hiện các hoạt động thu gom rác thải, cải tạo cảnh quan trên các tuyến đường, ngõ xóm và giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo trì hàng năm đảm bảo các tuyến đường ngõ xóm sáng-xanh-sạch-đẹp.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ($\geq 50\%$).

Đường giao thông trục chính nội đồng được cứng hóa, với 2 tuyến, tổng chiều dài 0,7 km, thực hiện 0,5 km/ 0,7 km, đạt tỷ lệ 71,4 % theo quy định đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

- Kinh phí đã thực hiện: 32,561 tỷ đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 2: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ($\geq 90\%$).

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được, trên địa bàn xã có hệ thống các công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch, kết hợp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường các tuyến kênh, rạch trên địa bàn nhằm đảm bảo yêu cầu nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 518,53 ha. 100% diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động theo nhu cầu sinh trưởng của cây trồng. Việc tưới tiêu điều dẫn tới mặt ruộng do HTX Nông nghiệp điện năng Thanh Đình đảm nhận.

Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn có tổng chiều dài 39,67 km, có 02 trạm bơm hoạt động thường xuyên tưới, tiêu nước kịp thời cho sản xuất nông nghiệp. Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã hàng năm đều được kiểm tra, nâng cấp, tu bổ, sửa chữa, vệ sinh nạo vét và khơi thông dòng chảy đảm bảo phục vụ sản xuất.

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

Xã Thanh Đình có 01 HTX DVNN được thành lập hoạt động theo Luật HTX chuyển đổi năm 2012, với số thành viên HTX hiện nay là 1.684 người, cơ cấu bộ máy gồm 25 người (Trong đó cán bộ HTX 11 người, tổ trưởng sản xuất dịch vụ 14 người), lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là dịch vụ nông nghiệp và điện năng, trong sản xuất nông nghiệp hàng năm Hợp tác xã chú trọng xây dựng cơ cấu sản xuất, thời vụ gieo trồng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho bà con. Đồng thời hàng năm HTX lập kế hoạch tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo từng mùa vụ, kịp thời tiêu thoát nước không để ngập úng, hạn hán thiếu nước trong sản xuất nông nghiệp. Lập và quản lý tài chính thu-chi dịch vụ thủy lợi hàng năm, báo cáo quyết toán công khai trước Đại hội xã viên thường niên được 100% thành viên tán thành.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiêu tiết kiệm nước.

Cây trồng chủ lực của địa phương là cây hoa đào với tổng diện tích 20 ha.

100% Tổng diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiêu tiết kiệm nước thực hiện áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước.

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

Hàng năm xã đã chỉ đạo HTX xây dựng kế hoạch bảo trì tất cả các công trình thủy lợi để tiến hành kiểm tra, khảo sát phát hiện các công trình thủy lợi hư hỏng để kịp thời bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, tu sửa thường xuyên theo định kỳ đạt 100% số công trình thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

Do vậy hiện nay các công trình thủy lợi do HTX quản lý 18,65 km kênh cấp 3 (Trong đó đã cứng hóa 2,95 km), hệ thống tưới tiêu trạm bơm hoạt động tốt, đảm bảo tưới tiêu chủ động. Hàng năm HTX khai thác và tu sửa bảo trì đáp ứng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất. Có 02 trạm bơm cố định để bơm cung ứng đủ nước phục vụ cho sản xuất, hệ thống kênh do HTX quản lý được tu sửa nạo vét vệ sinh thường xuyên thông thoáng đảm bảo nhu cầu tưới tiêu cho cây trồng.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

Trên địa bàn xã nguồn nước tưới cho diện tích toàn xã lấy từ ngòi tiêu Vĩnh Mộ. Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã có 2 nguồn nước chính đổ về để phục vụ sản xuất gồm: Nguồn nước từ ngòi tiêu Vĩnh Mộ huyện Lâm Thao và nguồn nước tích ở hồ, đập. Hàng năm, Hợp tác xã thường xuyên tăng cường kiểm tra, kiểm soát các nguồn xả thải vào hệ thống thủy lợi do xã quản lý để kịp thời có biện pháp xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Qua kiểm tra đến nay chưa phát hiện nguồn xả thải vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Công tác phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ trên địa bàn xã hàng năm được cấp uỷ, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời.

Cụ thể về lực lượng tại chỗ gồm: 150 người; vật tư tại chỗ gồm 300m³ đất, 02 bụi tre, 2.000 chiếc tải, 02 cây rom tại khu 7 (tổ 12 + 13). Trạm chỉ huy phòng chống thiên tai của xã được đặt tại 02 điểm, thuận tiện cho công tác chỉ huy tại chỗ khi có sự cố về bão lũ xảy ra.

Phương châm 4 tại chỗ của địa phương cụ thể là:

+ *Về Chỉ huy tại chỗ*: UBND xã thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy khi có thay đổi nhân sự về cán bộ bảo đảm đúng đủ thành phần, làm tốt công tác xây dựng kế hoạch, phương án, triển khai sơ kết, tổng kết công tác PCTT&TKCN để rút kinh nghiệm, kịp thời khắc phục hạn chế. Phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ UBND xã và Ban chỉ huy phụ trách các địa bàn khu dân cư, cơ quan đơn vị đến giúp đỡ khi có tình huống thiên tai xảy ra. Làm tốt công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã và khu dân cư về tình hình, diễn biến, mức độ nguy hiểm, đường đi của bão (khi có thông tin thông báo của cơ quan chức năng). Công tác thông tin thường xuyên liên tục để cho nhân dân chủ động phòng chống, sẵn sàng di dời người và tài sản, súc vật nuôi đến nơi tránh trú bão an toàn.

+ *Về lực lượng tại chỗ*: UBND xã, Ban chỉ đạo huy động lực lượng công an, Ban chỉ huy quân sự, trung đội dân quân và tất cả những người dân có sinh sống trên địa bàn khu dân cư, nòng cốt là lực lượng dân quân cơ động sẵn sàng ứng phó khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã ra Quyết định điều động dân quân và các lực lượng khác đảm bảo phù hợp theo mức độ và tính chất công việc, phân công các đồng chí chỉ huy từng bộ phận. Ở các khu dân cư có lực lượng xung kích do các đồng chí Trưởng khu dân cư trực tiếp chỉ huy (lực lượng xung kích gồm: 90 người; lực lượng ứng cứu 14 người; đội thủ công là 4 người).

+ *Về vật tư, phương tiện tại chỗ*: Hàng năm Ban chỉ huy tham mưu cho UBND xã mua sắm trang thiết bị và công tác chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện phục vụ công tác cứu người, cứu hộ tài sản; các nguồn nước và các vật liệu chữa cháy như cát, nước, bình chữa cháy... đảm bảo không để thiếu. Ban chỉ huy triệu tập họp để quán triệt mức độ nguy hiểm, phân công lịch trực đảm bảo an toàn cho nhân dân trong quá trình thiên tai bão lũ đi qua, đồng thời cấp phát các trang thiết bị nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai (khi có tình huống xảy ra)

+ *Về hậu cần tại chỗ*: Công tác chuẩn bị sẵn sàng các nguồn kinh phí; những nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hàng năm Ban chỉ huy chủ động phối hợp với tài chính-kế toán của xã để tham mưu xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách xã cho công tác PCTT và TKCN, Hợp đồng với các đơn vị để chuẩn bị tốt về lương thực, thực phẩm cùng các nhu yếu phẩm cần thiết cho công tác PCTT và TKCN trên địa bàn. Tuyên truyền và vận động các hộ gia đình có các phương án dự trữ lương thực, thực phẩm cùng các nhu yếu phẩm cần thiết để đảm bảo cho công tác PCTT và TKCN lâu dài khi có tình huống thiên tai bão lũ xảy ra.

- Kinh phí đã thực hiện: 9,6 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 3: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.4. Tiêu chí số 4: Điện.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định ($\geq 98\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống điện của xã do Hợp tác xã nông nghiệp và điện năng xã Thanh Đình quản lý. Trong những năm qua, ngành điện đã huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lưới điện thông qua các chương trình, dự án (REII, dự án đầu tư chống quá tải lưới điện hàng năm...)

Hiện nay, toàn xã có 11 trạm biến áp, với tổng công suất 3650 KVA. Tổng chiều dài đường dây trung thế 0,55 KV là 0,55km, đường dây hạ thế dài 33,5 km phủ kín tất cả các khu dân cư, các hộ dân. Toàn bộ hệ thống điện của xã được hợp tác xã kinh doanh bán lẻ trực tiếp, đến từng hộ gia đình đảm bảo an toàn sử dụng điện trên địa bàn xã, đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Hợp tác xã phối hợp với chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền để người dân chấp hành quy định đảm bảo an toàn cho người dân, giảm tổn thất về điện năng trong quá trình truyền tải.

Toàn xã có 2.656/2.656 hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, đạt tỷ lệ 100%.

- Kinh phí đã thực hiện: 3,656 tỷ đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 4: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.5. Tiêu chí số 5: Giáo dục.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (100%).

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3)

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2)

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại (khá).

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác giáo dục được Đảng bộ, chính quyền địa phương, các nhà trường và nhân dân quan tâm đầu tư cơ sở vật chất để trẻ em được học tập, trải nghiệm trong môi trường giáo dục đầy đủ và phù hợp; có nhiều giải pháp tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm đạt kết quả tốt; cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia theo quy định, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên.

5.1. Hiện nay trên địa bàn xã có 03/03 trường học (01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học và 01 trường Trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 100%, trong đó có 01 trường đạt chuẩn mức độ 2 (trường Tiểu học).

5.2. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi hàng năm (*Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND thành phố Việt Trì về việc công nhận các phường, xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021*).

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp 164/164 (tỷ lệ: 100%).

- Tổng số trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là: 154/154 (tỷ lệ: 100%).

- Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 154/154 = 100%.

Xã Thanh Đình đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

(*Báo cáo kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022 của BCĐ PCGDXMC xã Thanh Đình, Biên bản kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022 của Đoàn kiểm tra công tác PCGD, XMC Thành phố Việt Trì năm 2022 ngày 25/10/2022*).

5.3. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục hàng năm (*Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND thành phố Việt Trì về việc công nhận các phường, xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021*).

- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học là: 152/160 (tỷ lệ: 96,82%).

Xã Thanh Đình đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.

- Tổng số trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 là: 152/152 (tỷ lệ 100%).

- Tổng số học sinh lớp 9 TN THCS (2 hệ) năm qua là: 128/128 (tỷ lệ 100%).

Xã Thanh Đình đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

(Báo cáo kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022 của BCD PCGD, XMC xã Thanh Đình, Biên bản kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022 của Đoàn kiểm tra công tác PCGD, XMC Thành phố Việt Trì năm 2022 ngày 25/10/2022).

5.4. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Xã không có học sinh trong độ tuổi bị mù chữ, hiện tại xã Thanh Đình đã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 *(Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND thành phố Việt Trì về việc công nhận các phường, xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021).*

5.5. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập ngày càng phát triển. Trung tâm học tập cộng đồng xã hoạt động tích cực, phát huy được chức năng và vai trò trong việc phối hợp dạy nghề, tập huấn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nâng cao trình độ dân trí, tay nghề cho lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Kết quả xây dựng “Gia đình học tập” có 2.389/2.444 hộ gia đình đăng ký đạt 97,7%; “Cộng đồng học tập” 7/7 khu đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại tốt.

Quyết định 844/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND thành phố Việt Trì V/v công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2021.

Quyết định 755/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND thành phố Việt Trì V/v công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2022.

5.6. Mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Các nhà trường đều có các thiết bị, cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ học sinh tham gia rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền trong hoạt động giáo dục thể chất.

Đối với Trường trung học cơ sở và Trường tiểu học có nhà đa năng đảm bảo các hoạt động ngoại khóa, và các tiết học giáo dục truyền thống để phục vụ

nhu cầu dạy và học. Trường tiểu học có bể bơi đảm bảo tiêu chuẩn cho học sinh, tổ chức dạy bơi cho học sinh rèn luyện thể chất và giáo dục kỹ năng phòng chống đuối nước cho học sinh, có sân bóng đá, có câu lạc bộ võ thuật học sinh.

Tại 7 điểm sinh hoạt cộng đồng ở khu dân cư và 01 điểm sinh hoạt cộng đồng của xã được đầu tư dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời như: Xà đơn, xà kép, xích đu, đu quay, sân bóng chuyền, cầu lông... tạo môi trường cho trẻ em và nhân dân luyện tập thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, thể lực, kỹ năng và sức bền.

- Kinh phí đã thực hiện: 345 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 5: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.6. Tiêu chí số 6: Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển của địa phương. Vì vậy, trong thời gian qua, xã Thanh Đình đã tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, gắn với thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận... của Trung ương, của Tỉnh, Thành phố đảm bảo cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Thông qua công tác tuyên truyền vận động đã thay đổi về nhận thức trong đội ngũ cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân về xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn với việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và phát huy được tinh thần đoàn kết, xây dựng và huy động các nguồn lực trong Nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, thiết chế nhà văn hóa...

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng, các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

*** Cấp xã:**

Xã Thanh Đình có 01 nhà văn hóa xã kiêm Hội trường và trung tâm học tập cộng đồng được xây dựng năm 2005: diện tích xây dựng 328 m², tổng chỗ ngồi là 200 chỗ; khánh tiết, trang thiết bị trong NVH được trang bị đầy đủ, có hệ thống âm thanh loa đài, hệ thống hợp trực tuyến, có điểm phát wifi công cộng, tủ sách... đảm bảo cho việc tổ chức các hội nghị, đọc sách báo, sinh hoạt văn hoá văn nghệ.

- Sân Thể thao cấp xã: Có 1 sân vận động trung tâm, rộng 6.206 m², là nơi tổ chức các hoạt động: bóng đá, nơi tập kết diễu hành, tổ chức các sự kiện TDTT, văn nghệ quần chúng...

Có 2 sân thể thao 600 m² nền bê tông xi măng, là nơi tổ chức các hoạt động: Bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, cầu lông, văn nghệ quần chúng...

Có 01 sân khấu ngoài trời, rộng 96 m², là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa văn nghệ quần chúng cấp xã.

Các công trình Văn hoá-thể thao được xây dựng đảm bảo theo quy định và đầu tư các thiết chế phục vụ nhu cầu văn hóa, thể thao của địa phương. Các công trình phụ trợ Trung tâm văn hóa- Thể thao như khu vệ sinh, bồn hoa,.. được xây dựng đầy đủ.

*** Khu dân cư:**

7/7 KDC đều có Nhà văn hoá- khu thể thao đạt chuẩn theo quy định.

Nhà văn hóa các khu dân cư đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động: bộ tăng âm loa đài, khánh tiết trang trí, khẩu hiệu tuyên truyền, phòng màn sân khấu, bảng tin, trống, kèn, bàn, ghế...đảm bảo phục vụ các hoạt động của khu dân cư. Có 01 tủ sách cộng đồng (với trên 100 ấn phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội, khoa học công nghệ...) có điểm phát wifi miễn phí phục vụ nhu cầu học tập, khai thác thông tin của nhân dân.

Sân thể thao: 7 khu đều có sân thể thao kết hợp trong khuôn viên NVH, bố trí các dụng cụ luyện tập TDTT: Sân bóng chuyền, sân cầu lông, xà đơn- xà kép, có hệ thống bóng đèn điện chiếu sáng cho tổ chức luyện tập buổi tối, 7/7 NVH khu đều có điểm vui chơi cho thanh thiếu nhi tạo môi trường lành mạnh, an toàn

và phát triển toàn diện cho trẻ em với các loại hình, dụng cụ như: trò chơi đu quay, xích đu, cầu trượt, bập bênh...

Công chào: xây dựng được 01 công làng nghề, 13 công chào 7 khu dân cư; kẻ vẽ được 11 bức tranh bích họa tại 7 khu dân cư.

Các công trình phụ trợ: Khu vệ sinh, nhà kho, đường nước sạch, khuôn viên cây xanh, ghế đá, tường rào bảo vệ...các khu được trang bị tương đối đầy đủ.

Thông qua các thiết chế văn hoá-Thể thao khu dân cư đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt, hội họp, tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, TDTT nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân khu dân cư.

Bên cạnh đó, còn có 01 Nhà đa năng Trường THCS, các Trường học trên địa bàn xã đều có bố trí các dụng cụ luyện tập TDTT đơn giản, khu vui chơi giải trí cho trẻ em, sân bóng chuyền hơi, sân cầu lông... đáp ứng nhu cầu của đa độ tuổi.

Các loại hình hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục-thể thao trên địa bàn được thường xuyên tổ chức nhân dịp kỷ niệm các ngày Lễ, ngày kỷ niệm, các sự kiện chính trị-xã hội trọng đại của Đảng, của đất nước như: Giao lưu văn nghệ-thể thao quần chúng, tổ chức giải bóng đá, giải bóng chuyền hơi, bóng chuyền da nam, giao lưu các môn thể thao,...Đại hội TDTT xã Thanh Đình duy trì tổ chức 04 năm/01 lần, giao lưu văn nghệ mừng đảng mừng xuân, tiến tân binh lên đường nhập ngũ hàng năm và thông qua sinh hoạt CLB từ đó tạo không khí vui tươi phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân tham gia giao lưu, luyện tập.

Có 07 CLB cấp xã, trên 20 CLB văn hoá văn nghệ-thể thao khu dân cư được hoạt động thường xuyên, hiệu quả như: CLB hát xoan và dân ca, CLB dân vũ, CLB cờ tướng, CLB bóng chuyền, CLB Yoga, CLB cầu lông, CLB gia đình hạnh phúc, CLB Phòng chống BLGD...

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại ”, đông đảo cán bộ, công chức, học sinh và các tầng lớp nhân dân tham gia. Nhu cầu luyện tập TDTT của người dân được rèn luyện thường xuyên với các môn phổ biến: Bóng chuyền hơi, bóng chuyền da, điền kinh, bóng đá, cầu lông, thể dục dưỡng sinh, yoga...Các hoạt động TDTT được tổ chức thường xuyên gắn với các sự kiện chính trị, ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước và địa phương, gắn với phát triển mạnh mẽ phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào xây dựng nông thôn mới... Thông qua tổ chức và hoạt động của các CLB, loại hình, bộ môn thể thao, thu hút tập hợp tỷ lệ trên 80% nhân dân tham gia luyện tập TDTT thường xuyên.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

Những năm qua, công tác bảo vệ, tôn tạo, tu bổ, phát huy và khai thác giá trị di sản lịch sử-văn hóa được cấp ủy Đảng, Chính quyền xã quan tâm chỉ đạo thực hiện; các di tích trên địa bàn được thường xuyên tu bổ khang trang, sạch, đẹp, giữ gìn ANTT, Phòng cháy chữa cháy khu di tích,... đáp ứng nhu cầu tham quan, sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo cho du khách và nhân dân địa phương, góp phần gìn giữ, phát huy, quảng bá các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của đất nước, địa phương.

Trên địa bàn xã có 02 di tích lịch sử-văn hóa đó là Đình Thanh Đình và Chùa Thiên Thành, trong đó có 01 di tích được xếp hạng Di tích cấp Tỉnh (Đình Thanh Đình) cùng nhiều hiện vật, dấu tích, truyền thuyết gắn liền với các tướng lĩnh thời đại Hùng Vương, hiện nay có nhiều hiện vật đang được trưng bày tại Bảo tàng Hùng Vương-tỉnh Phú Thọ. Các di tích được quan tâm, tu bổ thường xuyên, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân địa phương.

BQL di tích được thành lập, thường xuyên kiện toàn kịp thời, đảm bảo yêu cầu hoạt động của công tác quản lý. BQL di tích xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động, phân công cụ thể nhiệm vụ từng thành viên, tiến hành họp giao ban, sơ kết tổng kết, chế độ thông tin báo cáo kịp thời theo quy định.

Hàng năm công tác thống kê, kiểm kê di tích trên địa bàn được thực hiện thường xuyên theo hướng dẫn của cấp trên và quy định của Luật di sản văn hóa. Rà soát các hạng mục xuống cấp của di tích để kịp thời đề xuất tu bổ, nhằm gìn giữ, phát huy tốt nhất các giá trị của di tích. Năm 2022, 2023 xã đã huy động nguồn lực xã hội hóa để chỉnh trang lại khuôn viên, sơn sửa lại phần cửa, tường rào Đình và chùa Thanh Đình với số tiền trên 1,8 tỷ đồng.

Bên cạnh các di tích, hiện trên địa bàn còn lưu giữ truyền thuyết dân gian về các dấu tích gắn liền với các tướng lĩnh thời đại Hùng Vương: Di chỉ Gò De, Bàn Cờ, Ao Rôi, Nhà Bò, Lão Quân, Rừng Quăn, Oa Nhà Nít...liên quan đến tổ chức Lễ hội truyền thống. Lễ hội truyền thống của Làng Thanh Đình bao gồm: Lễ hội rước ông Khiu, bà Khiu; Lễ rước Giải, Lễ rước Tế Thánh, Hú Cờ, Lễ Tế Đình... Trong đó Lễ hội chính được tổ chức 5 năm 1 lần, lễ hội Lệ tiến hành 1 năm 1 lần (vào mừng 3 Tết nguyên đán hàng năm). Hàng năm, tham gia Lễ hội văn hóa dân gian thành phố Việt Trì với nội dung mô phỏng lễ hội Rước Giải, Hóa Giải. Qua đó vừa gìn giữ, phát huy, vừa quảng bá giá trị văn hóa-lễ hội của địa phương với khách du lịch thập phương.

Để tăng cường công tác bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa của địa phương UBND xã đã chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống

truyền thanh của xã, tuyên truyền trực quan, trên các trang fanpage, facebook, qua các hội nghị, sinh hoạt chi bộ, chi hội và các cuộc họp của nhân dân... Tranh thủ mọi nguồn lực, phối hợp UBMTTQ, các ngành đoàn thể thực hiện, vận động đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân tham gia vào các hoạt động bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hóa-lịch sử truyền thống, phát triển phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng, góp phần quảng bá 2 di sản văn hóa thế giới là hát xoan Phú Thọ và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, phát huy vai trò xã vùng ven khu DTLS Đền Hùng, góp phần xây dựng thành phố Việt Trì-Thành phố Lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam.

6.3. Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh, nâng cao các tiêu chí trong bình xét các danh hiệu “gia đình văn hóa”, “khu dân cư văn hóa”, “ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, cơ quan, đơn vị văn hóa. BCĐ phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” xã Thanh Đình trên cơ sở hướng dẫn của cấp trên, tiên hành hướng dẫn công tác đăng ký thi đua, bình xét các danh hiệu văn hóa hàng năm. Đồng thời, thực hiện tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân đăng ký phấn đấu thực hiện, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng phong trào gắn với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Kết quả trong 5 năm trở lại đây, tỷ lệ “gia đình văn hóa” toàn xã duy trì trên 95%, 7/7 KDC đều đạt khu dân cư văn hóa đạt 100%. 100% các khu dân cư đều xây dựng được Quy ước khu dân cư được UBND thành phố Việt Trì phê duyệt. 100% các khu dân cư thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, mừng thọ và lễ hội.

- Tổng kinh phí đã thực hiện: 1,8 tỷ đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 6: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2018, UBND xã đã đầu tư, cải tạo, nâng cấp chợ Thanh Đình đạt theo tiêu chuẩn mô hình thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm. Với diện tích 0,9 ha, có cây xanh, tường bảo vệ xung quanh, trong chợ xây dựng các dãy bán hàng

bán kiên cố, có mái che, bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, phân các khu kinh doanh riêng. Nền chợ được bê tông hóa, có hành lang lối đi rộng rãi đảm bảo công tác PCCC, có khu vệ sinh phù hợp khép kín. Có biển chợ, số điện thoại liên lạc, có hệ thống đường điện, nước sạch, chợ thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, rác thải được thu gom xử lý theo quy định. Hiện nay, có 48 hộ đang kinh doanh trong chợ, 8 dãy ki ốt đều thực hiện tốt quy chế của BQL chợ. Ngoài hệ thống chợ, trên địa bàn xã còn có các cửa hàng kinh doanh, siêu thị mini đảm bảo phục vụ nhu cầu mua bán của nhân dân trong xã.

Hàng năm, UBND xã đã kiện toàn BQL chợ và ban hành nội quy chợ, có thiết bị và phương án phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Kinh phí đã thực hiện: 1,296 tỷ đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 7: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ($\geq 80\%$)

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

8.5. Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng: UBND xã, nhà văn hóa, các khu dân cư trên địa bàn xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Xã Thanh Đình có 01 điểm phục vụ bưu chính xã tại khu 6 với diện tích khuôn viên 0,02 ha, đảm bảo cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông như dịch vụ di động, chuyển thư, báo, chuyển phát nhanh...

Điểm phục vụ bưu chính xã có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương: 01 máy tính, 01 máy in, hệ thống mạng wifi, bàn, ghế phục vụ người dân. Bên ngoài, treo biển tên điểm phục vụ (điểm bưu chính xã), niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ đảm

bảo theo quy định. Thực hiện quy định giờ làm việc theo mùa và thực hiện đúng 8h/ngày. Trong đó, mùa hè buổi sáng từ 7h30-11h30 giờ, buổi chiều từ 13h-16h30, mùa đông buổi sáng từ 7h00-11h00, buổi chiều từ 13h30-17h00.

Điểm phục vụ bưu chính thực hiện tốt việc cung cấp các dịch vụ như: Dịch vụ thư có địa chỉ nhận; Dịch vụ gói, kiện hàng hóa. Đồng thời, điểm phục vụ bưu chính tại xã có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân. Nhân viên Điểm phục vụ được tập huấn nghiệp vụ về dịch vụ công trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

Các dịch vụ viễn thông, Internet đã được ứng dụng rộng rãi, đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều hành lãnh đạo thực hiện công việc, tạo ra một bước thay đổi mới trong quy trình xử lý thông tin, giải quyết công việc chuyên môn góp phần giảm được thời gian, công sức, tiết kiệm được nhân lực và giải quyết nhanh, kịp thời công việc hàng ngày góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Qua rà soát, xã có dân số theo độ tuổi lao động là 4.499 người, số người sử dụng thuê bao điện thoại thông minh là 4.415/4.499 người chiếm tỷ lệ 98,1 %.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Đối với hệ thống loa truyền thanh.

Đài truyền thanh của xã đã được trang bị hệ thống truyền thanh thông minh (ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông). Số khu có cụm loa truyền thanh được lắp đặt là 7/7 khu dân cư, với tổng số là 22 cụm loa, tất cả 22 cụm đều sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. Hệ thống đài đáp ứng các tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. Hệ thống truyền thanh thông minh hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho công tác tiếp âm, tiếp sóng và thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Thực hiện tốt việc tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh-truyền hình tỉnh, Cơ sở truyền thanh-Truyền hình cấp thành phố với tần suất 2 giờ/ngày. Đồng thời xây dựng chương trình phát thanh của địa phương với số lượng 4 bài/ngày. Nội dung tuyên truyền trọng tâm tập trung vào việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội đến từng khu dân cư và toàn thể nhân dân.

Hiện nay, tỷ lệ phủ sóng về diện tích và dân số đạt 100%. Nội dung tuyên truyền trọng tâm qua hệ thống loa truyền thanh như: tuyên truyền các chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương, công

tác xây dựng NTM; nêu gương người tốt việc tốt, tuyên truyền các sự kiện của đất nước, của các ngành, các chương trình phát triển kinh tế, VHXX của địa phương.

- Đối với việc xem được truyền hình.

Xã có 100% hộ gia đình thu, xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

- Đối với điểm cung cấp dịch vụ báo chí.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 7 khu dân cư và 03 trường học tất cả đều đặt ấn phẩm báo chí của tỉnh theo tháng và quý. 03 trường học đều có Thư viện sách và báo chí phục vụ cho việc đọc và học của các em học sinh, giáo viên nhà trường. 7 nhà văn hóa khu dân cư đều có tủ sách với nhiều đầu sách và báo khác nhau, phục vụ nhu cầu đọc của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn khu.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, Chính quyền. Trong đó, xã đã quan tâm đầu tư bố trí đa dạng nguồn kinh phí để xây dựng hệ thống thông tin đồng bộ, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong công tác tuyên truyền, quảng bá, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tiếp nhận thông tin nhanh chóng, chính xác và tìm kiếm cơ hội hợp tác về kinh tế-xã hội.

UBND xã đang sử dụng 03 phần mềm ứng dụng Công nghệ thông tin: Hệ thống điều hành và quản lý văn bản ioffice (egov.phutho.vn), Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.phutho.gov.vn), Hệ thống một cửa điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của thành phố và của tỉnh.

UBND xã đã duy trì triển khai hệ thống điều hành và quản lý văn bản ioffice, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo an toàn thông tin trong gửi, nhận văn bản điện tử. 100% văn bản đi, đến được tiếp nhận và phát hành trên phần mềm điều hành và quản lý văn bản Ioffice.

100% cán bộ công chức cấp xã được cấp hòm thư điện tử công vụ (mail.phutho.gov.vn) và sử dụng để trao đổi công việc.

Hệ thống một cửa điện tử hoạt động có hiệu quả, tăng cường chỉ đạo thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt và đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 theo yêu cầu của Chính phủ và thực tế tại địa phương. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 99,9%.

Hội nghị trực tuyến được triển khai và đưa vào sử dụng đảm bảo các cuộc họp, hội nghị trực tuyến. Tham gia đầy đủ các lớp, chương trình tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, lãnh đạo xã, các tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã, tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cho người dân. Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin/Tổng số cán bộ công chức cấp xã đạt 100%. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản có 4.415/4.499 lao động từ 18 tuổi trở lên biết sử dụng các kỹ năng cơ bản về máy tính đạt 98,1% trong tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn.

Hiện nay, xã có 01 sản phẩm OCOP (Mật ong Gia Ninh). Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (nongsan.phutho.gov.vn, mạng internet, Trang thông tin điện tử của thành phố, các ứng dụng bán hàng trực tuyến, mạng xã hội...).

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

Xã có 14 điểm cung cấp dịch vụ Wifi miễn phí cụ thể: 01 điểm ở UBND xã, 01 điểm trạm y tế, 01 điểm HTX nông nghiệp, 01 điểm di tích văn hóa chùa Thiên Thành, 03 điểm ở nhà trường trên địa bàn, 07 điểm ở nhà văn hóa khu dân cư có mạng wifi miễn phí đảm bảo các điều kiện an toàn an ninh thông tin để phục vụ người dân.

- Tổng kinh phí đầu tư: 671,705 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 8: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ($\geq 90\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trong những năm qua các cấp chính quyền địa phương vẫn luôn tuyên truyền, vận động, khuyến khích nhân dân đầu tư xây dựng, chỉnh trang nhà ở, đồng thời vận động các nguồn xã hội hóa hỗ trợ xây nhà cho các đối tượng

nghèo, từ năm 2021-2022 UBND xã đã kết hợp cùng UBMTTQ xã xây dựng mới và sửa chữa 7 căn nhà thuộc các khu 1, 3, 5, 7 tổng trị giá 435.000.000 đồng.

Nhà ở nông thôn trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Nhà ở nông thôn đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Diện tích căn nhà và diện tích ở tối thiểu đảm bảo theo quy định, các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi...) được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, kiến trúc mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương. Đến nay địa bàn xã có 2.651/2.656 nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định, đạt tỷ lệ 99,8%.

- Tổng kinh phí đầu tư: 435 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 9: Đạt

2.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 \geq 43 triệu đồng

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 \geq 47 triệu đồng

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tập trung chỉ đạo, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mở rộng diện tích trồng lúa chất lượng cao, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác. Xây dựng mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế. Tạo điều kiện về thủ tục để người dân tiếp cận nguồn vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ áp dụng đầu tư vào sản xuất.

Tích cực phối hợp đào tạo nghề, tư vấn việc làm, xuất khẩu lao động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp về thủ tục, mặt bằng để doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã đã góp phần cải thiện thu nhập của người dân trên địa bàn. Đây là những điểm sáng trong tổ chức sản xuất và ứng dụng công nghệ vào phát triển nông nghiệp nông thôn tại địa phương.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 đạt 52,1 triệu đồng/khẩu/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 55,658 triệu đồng/khẩu/năm.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 10: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.11. Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều (có 01 chỉ tiêu):

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 là \leq 8%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

UBND xã xác định công tác giảm nghèo là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, hàng năm Đảng ủy, UBND xã đều xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, xây dựng chỉ tiêu, mục tiêu phấn đấu theo từng giai đoạn và từng năm thông qua các Nghị quyết, kế hoạch. Công tác chỉ đạo được điều hành thống nhất từ xã đến khu dân cư, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội phát huy được vai trò trách nhiệm trong công tác phối hợp vận động, tuyên truyền.

Từ sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện, các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận với nhiều nguồn vốn vay để đầu tư vào phát triển kinh tế gia đình như: vốn phát triển sản xuất, vốn nước sạch vệ sinh môi trường, vốn HSSV, vốn xuất khẩu lao động...hiện nay có 20 hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đang được vay vốn, với số tiền là: 1,2 tỷ đồng; có 3 hộ khó khăn được hỗ trợ bò sinh sản cho từ chương trình ngân hàng Bò của Hội chữ Thập đỏ hỗ trợ 36 triệu đồng; 2/2 trẻ em thuộc hộ nghèo được hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, ngoài ra còn được hỗ trợ về các chính sách bảo trợ xã hội, y tế, BHYT, tiền điện...

Theo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022, đã được UBND thành phố Việt Trì công nhận, cụ thể như sau:

Tổng số hộ dân cư trên địa bàn xã Thanh Đình là 2.656 hộ. Trong đó:

+ Số hộ nghèo đa chiều là 07 hộ, trong đó có 04 hộ nghèo không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ 0,11%;

+ Số cận hộ nghèo đa chiều là 13 hộ, trong đó có 05 hộ cận nghèo không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ 0,30 %;

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã năm 2022 là: $0,11\% + 0,30\% = 0,41\%$.

- Kinh phí đã thực hiện là: 51,054 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 11: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.12. Tiêu chí số 12: Lao động.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 75\%$

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 25\%$

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: $\geq 30\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Địa phương xác định công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 75\%$.

Trong những năm qua, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ thành phố đến cơ sở quan tâm chỉ đạo.

Hiện nay, toàn xã có 4.499 người trong độ tuổi lao động chiếm 52% so với dân số (4.499/8.650). Trong đó: có 3.775 lao động đã qua đào tạo đang làm việc ở các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài địa phương chiếm 83,9% trên tổng số lao động trong toàn xã.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 25\%$.

Công tác đào tạo, đào tạo nghề cho lao động và lao động nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ được Đảng bộ chính quyền và Nhân dân rất quan tâm. Mỗi năm, UBND xã phối hợp với các tổ chức chính trị như hội nông dân, đoàn thanh niên, hội Phụ nữ... mở các lớp dạy nghề cho Hội viên và đoàn viên như: lớp sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, lớp nuôi và phòng trị bệnh cho gà, lớp nuôi và phòng trị bệnh cho lợn, lớp nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò; tập huấn chuyên giao kỹ thuật về Trồng lúa chất lượng cao, sử dụng phân bón cho cây trồng, chăm sóc cắt tỉa và phòng trừ sâu bệnh cho cây hoa đào,... Hợp tác xã nông nghiệp, khuyến nông xã mở các lớp ngắn hạn để đào tạo cho lao động trong độ tuổi các kiến thức, kỹ năng làm nông nghiệp. Số học sinh học THPT xong đi học nghề và tham gia các khóa học chuyên môn ngày càng tăng. Tỷ lệ Lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ tăng hàng năm. Tính đến thời điểm hiện tại, Lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, các lớp ngắn hạn tại địa phương là 1.645/4.499 người, chiếm tỷ lệ 36,5%.

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: $\geq 30\%$.

Xã xác định ngành kinh tế chủ lực của địa phương là ngành trồng hoa đào, ngành may công nghiệp, ngành cơ khí, nghề mộc, nghề nề. Trên địa bàn có 2.345/4.499 người tham gia vào ngành kinh tế chủ lực của địa phương, chiếm tỷ lệ 52,1%. Các ngành kinh tế chủ lực đã thu hút đông đảo lao động tham gia, tạo thu nhập ổn định, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, nâng cao đời sống người dân.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 12: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥ 1 .

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ≥ 1 .

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử $\geq 10\%$.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác phát triển sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn luôn là mục tiêu quan trọng hàng đầu. UBND xã vận động nhân dân dồn đổi ruộng đất, phát triển kinh tế trang trại, mô hình kinh tế công nghệ cao, quy hoạch các vùng sản xuất quy mô lớn, các mô hình ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đầu tư áp dụng chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất, đầu tư cơ giới hoá các khâu sản xuất với mục tiêu sản xuất hàng hoá cận đô thị, mang lại lợi ích kinh tế đa giá trị trong sản xuất nông nghiệp.

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012, sau khi chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh được nhân rộng trên địa bàn xã. HTX liên kết giới thiệu các chủ máy làm đất, cày bừa, máy gặt, máy phun thuốc BVTV bằng thiết bị bay không người lái phục vụ nhân dân dân theo thời vụ. Tổng số thành viên của HTX là 1.684 thành viên, doanh thu bình quân (3 năm 2020, 2021, 2022) đạt 17,2 tỷ

đồng (lợi nhuận 60 triệu/năm), tạo việc làm ổn định cho 26 lao động, mức bình quân thu nhập 4 triệu/người/tháng.

Năm 2021 đã có mô hình giống lúa lai Thái Xuyên 111, giống lúa Nghi Hương cho năng suất và sản lượng cao.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

UBND xã đã rà soát và tuyên truyền tới các hộ dân đang sản xuất và kinh doanh các sản phẩm truyền thống, có lợi thế ở khu vực nông thôn. Kết quả, với sự nỗ lực và tâm huyết của các hộ dân, doanh nghiệp tư nhân, hiện tại địa phương đã có 01 sản phẩm OCOP đó là mật ong Gia Ninh. Địa chỉ: Khu 5 - xã Thanh Đình, TP. Việt Trì, Phú Thọ, sản phẩm được xếp hạng đạt 3 sao năm 2022. Sản phẩm đảm bảo hiện nay đã có thương hiệu (được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý từ năm 2022, có bao bì, nhãn mác theo quy định). Có kênh phân phối ổn định tại gian hàng sản phẩm OCOP do Sở Công Thương đặt tại Sở Công Thương và gian hàng Chợ Trung Tâm Việt Trì.

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Trên địa bàn xã có 01 mô hình chăn nuôi lợn công nghiệp giai đoạn 2015-2035 của gia đình ông: Nguyễn Văn Toàn ở khu 7, với diện tích: 4.250 m², thu nhập bình quân: 860 triệu đồng/năm, tạo việc làm cho 5-6 lao động với thu nhập từ 5-8 triệu đồng/người/tháng. Xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sạch, quy mô công nghiệp được ứng dụng mô hình công nghệ tiên tiến về môi trường, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tận dụng nguồn phân bón đầu tư cho trồng trọt như thực hiện bể Biogas để xử lý phân, nước thải, không gây ô nhiễm môi trường, hệ thống chuồng trại được bố trí thành khu riêng biệt, thiết kế xây dựng theo mô hình công nghiệp tiên tiến. Đây là một mô hình có hiệu quả kinh tế-xã hội phù hợp với chính sách đổi mới trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đúng tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

Sản phẩm chủ lực của địa phương là cây hoa đào Nhà Nít và sản phẩm Mật ong Gia Ninh thuộc khu 5-xã Thanh Đình đã ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi khâu, mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chăm sóc và xuất bán ra thị trường. Giúp nâng cao lợi nhuận, thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo ra sản phẩm có giá trị cao, mở rộng thị trường đối với sản phẩm chủ lực của xã.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

Hiện nay trên địa bàn xã có 02 sản phẩm chủ lực cây hoa đào Nhà Nít và mật ong Gia Ninh, trong đó có 01 sản phẩm được bán qua kênh thương mại điện tử là sản phẩm Mật ong Gia Ninh chiếm tỷ lệ 50% trên tổng số sản phẩm chủ lực.

Ngoài ra việc đăng tải thông tin truyền thông, quảng bá các hình ảnh sản phẩm chủ lực hoa đào và mật ong của xã được đăng tải thường xuyên thông qua mạng xã hội trang THANH ĐÌNH Fanpage, facebook, zalo...

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

UBND xã luôn chú trọng việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh. Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên địa bàn xã nhằm nâng cao giá trị và phát triển thành vùng nguyên liệu chủ lực theo hướng bền vững và được cấp mã vùng.

Đối với vùng nguyên liệu tập trung nông sản chủ lực của địa phương: Xã đã được cấp mã vùng trồng đối với làng nghề Hoa đào Nhà Nít, mã số vùng trồng VN-25-227-8515-1-23. Với mô hình tổ hợp tác liên kết hoạt động hiệu quả, nhằm bảo đảm năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm gắn với thị trường, nâng cao giá trị gia tăng, nhằm xây dựng mô hình tích tụ, tập trung, có lợi thế và lựa chọn phương thức sản xuất phù hợp, hiệu quả.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

UBND xã đang thực hiện trên trang mạng của xã để quảng bá di tích lịch sử văn hoá có từ thời Hùng vương (Oa Nhà Nít, Di chỉ Gò De...), lễ hội rước ông khiu bà khiu, lễ hội rước dãi, quảng bá các danh lam, thắng cảnh, các điểm du lịch tham quan di tích lịch sử của địa phương.

Trong thời gian tới địa phương sẽ phối hợp với khu di tích lịch sử Đền Hùng, các phường, xã trên địa bàn Thành phố, dưới sự chỉ đạo của UBND thành phố để hình thành, thực hiện có hiệu quả các tuyến du lịch xã vùng ven Đền Hùng.

* **Tua 1:** Khu di tích lịch sử Đền Hùng-Làng nghề hoa đào Nhà Nít - di chỉ Gò Re - Chùa Thiên Thành - Đình Thanh Đình - Lão Quân - Gò Tế Thánh;

* **Tua 2:** Khu di tích lịch sử Đền Hùng - Đền Lạc Long Quân - Chu Hóa - Khang Phụ - Bàn cờ - Ao rôi - Nhà sắn;

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

Trên địa bàn xã hiện có 02 mô hình kinh tế phát triển nông thôn đó là:

- Mô hình cây hoa đào với sự tham gia của 125 hộ trên 135 lao động, trong những năm qua với sự nỗ lực của người dân, Ban chỉ đạo làng nghề và sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy, lãnh đạo đã đưa sản phẩm đến người tiêu dùng với nhiều hình thức khác nhau như: Bán trực tiếp và bán qua các ứng dụng internet, mạng xã hội với doanh thu bình quân 30,960 tỷ/năm đã tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động từ 20 triệu đồng/hộ/tháng. Mô hình trồng cây hoa đào mang lại hiệu quả tích hợp đa giá trị không chỉ tăng thu nhập về kinh tế, mà còn tạo việc làm thêm cho nguồn lao động nhàn rỗi của các hộ gia đình và mang đậm nét văn hóa đặc trưng của miền bắc về hoa đào, tạo cảnh quan môi trường sạch, đẹp.

- Mô hình chăn nuôi cá nước ngọt có 10 hộ gia đình tham gia tạo việc làm cho 30 lao động, xuất phát từ nhu cầu thực tế và thực tiễn nuôi trồng thủy sản tại địa phương, Hội nông dân kết hợp với UBND xã ra mắt tổ hợp tác chăn nuôi cá nước ngọt, bước đầu hoạt động mang lại hiệu quả và giá trị kinh tế, tạo vùng sản xuất hàng hóa và bảo vệ nguồn lợi cho địa phương. Góp phần vào việc phát triển kinh tế, tăng thu nhập, ổn định đời sống gia đình hội viên nông dân, tăng tỷ lệ hộ khá của xã từ 3,5%-5%, chuyển đổi nhận thức của người dân ở địa phương về nuôi thả cá theo phương pháp khoa học, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường thủy sản, nguồn nước trong khu vực.

- Kinh phí đã thực hiện: 39,750 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 13: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.14. Tiêu chí số 14: Y tế.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) quy định đạt $\geq 95\%$

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trạm Y tế xã được xây dựng năm 2009, với diện tích 1.918,53 m², có 12 phòng chức năng, có các công trình phụ trợ như nhà xe, nhà vệ sinh, giếng

nước, vườn thuốc nam. Có 5 cán bộ y tế đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho nhân dân trong xã. Dân số trên địa bàn được quản lý theo dõi sức khỏe đạt 100% dân số.

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) quy định.

Công tác tuyên truyền để người dân tham gia BHYT được UBND xã triển khai thường xuyên, sâu rộng đến các tổ chức đoàn thể và nhân dân. Chủ động đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền để người dân nắm vững chính sách pháp luật về BHXH, BHYT TN bằng nhiều hình thức như tọa đàm, hội nghị vận động trực tiếp đến người dân. Hiện nay số người tham gia BHYT tính đến thời điểm tháng 12/2022 là 8.305 người/8.650 người (dân số có mặt tại địa phương) đạt tỷ lệ 96%.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).

Hàng năm, trạm y tế đã thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Trạm y tế tổ chức khám bệnh trực tiếp cho nhân dân tại trạm y tế và các khu dân cư mỗi năm 02 lần.

Trạm y tế đã có phần mềm quản lý sức khỏe được tạo lập tại trạm y tế kết nối đến bệnh viện tuyến thành phố, bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện tuyến Trung ương; phần mềm thống kê, quản lý, theo dõi tình hình sức khỏe, tình trạng bệnh lý của người dân trên địa bàn xã tính đến tháng 12/2022 là 8.225 người/ 8.650 người đạt tỷ lệ 95% số người được quản lý sức khỏe.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).

Thực hiện Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ y tế phê duyệt chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

Để thuận lợi cho người dân trong công tác khám, chữa bệnh trạm y tế đã áp dụng tư vấn khám, chữa bệnh từ xa như: Zalo, Messenger, Điện thoại, ...đồng thời trạm y tế đã phối hợp với trung tâm y tế thành phố Việt Trì đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến bằng thẻ thông minh. Số người dân tham gia vào ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám, điều trị, tư vấn, chuẩn đoán...tính đến thời điểm tháng 12/2022 là 3.895/8.650 người = 45%

14.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử.

Trạm y tế đã phối hợp cùng Trung tâm y tế thành phố Việt Trì, CTV y tế thôn bản của các khu dân cư tuyên truyền, hướng dẫn người dân tải APP trên điện thoại thông minh, máy tính với nhiều phần mềm có các tính năng lưu trữ lại được các thông tin thăm khám và kết quả chữa bệnh của người dân như: phần

mềm tiêm chủng cho các đối tượng là trẻ em từ 0-6 tuổi, phần mềm PC Covid-19 dành cho tất cả mọi người dân không quy định độ tuổi.

Qua rà soát số liệu của tổ công nghệ thông tin trung tâm y tế thành phố, số người dân được quản lý và theo dõi trên hệ thống phần mềm là: 6.525/8.650 đạt 75,4%.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 14: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.15. Tiêu chí số 15: Hành chính công.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Xác định rõ vai trò quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND xã đã chỉ đạo các đồng chí cán bộ, công chức chuyên môn tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn do UBND thành phố, Tỉnh tổ chức, ngoài ra còn khuyến khích các đồng chí tăng cường nghiên cứu trên mạng, các lớp học trực tuyến,... để nâng cao trình độ chuyên môn và kịp thời đáp ứng được việc ứng dụng công nghệ trong giải quyết các thủ tục hành chính. Để đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc và phục vụ nhân dân trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND xã đã trang bị máy tính, máy in cho các phòng làm việc (hiện có 19 máy tính, 18 máy in, 04 máy scan); 100% các máy tính đã kết nối mạng Internet; 100% máy tính được quét mã độc; 100% máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus.

Triển khai thực hiện phần mềm quản lý văn bản trên hệ thống Ioffice (cài đặt trên máy tính và điện thoại thông minh) được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, tiết kiệm chi phí trong công tác lưu trữ văn bản giấy và hỗ trợ tìm văn bản nhanh chóng. Ngoài ra các công chức chuyên môn còn sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ công việc chuyên môn như: Kế toán (sử dụng phần mềm Misa; dịch vụ công kho bạc, quản lý tài sản công; kê khai thuế, Bảo Hiểm); địa chính (sử dụng phần mềm Auto card; Microstation); Tư pháp (sử dụng phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch); Văn phòng (phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm quản lý văn bản Ioffice, phần mềm báo cáo IOC); LĐTBOXH (phần mềm trẻ em).

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời đề án chính quyền điện tử, đẩy mạnh việc số hóa các hồ sơ của công dân.

Đội ngũ cán bộ công chức cấp xã đảm bảo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ lý luận, chính trị. 100% cán bộ công chức được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin, được tập huấn các nội dung của luật an ninh mạng 2018. Cán bộ công chức xã đều sử dụng thành thạo kỹ năng quy trình tiếp nhận xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên cổng thông tin dịch vụ công tỉnh Phú Thọ.

15.2 Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

UBND xã triển khai đồng bộ giải pháp tăng cường hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, góp phần tạo hiệu quả tích cực trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ bằng nhiều hình thức (trên hệ thống loa phát thanh, trang bị tờ rơi hướng dẫn thực hiện giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4) giúp người dân dễ cập nhật thông tin, tiếp cận và sử dụng dịch vụ. Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” của xã đã bố trí công chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh, từ đó nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến. Cùng với đó, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng ứng dụng trên điện thoại di động, máy tính; thanh toán phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến.

Kết quả năm 2022, UBND xã đã tiếp nhận và giải quyết 2.056 hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến là 1.906 hồ sơ đạt tỷ lệ 92,7%; số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tiếp dịch vụ bưu chính là 150 hồ sơ đạt tỷ lệ 7,3%. Số hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn 2.054 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,9%, hồ sơ quá hạn là 02 hồ sơ 0,1%.

15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

UBND xã phấn đấu xây dựng một chính quyền thân thiện với nhân dân, vì nhân dân phục vụ lắng nghe ý kiến của nhân dân. Tôn trọng trong giao tiếp; văn minh, lịch sự, gần gũi trong quan hệ, giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác. Không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung, bị

phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. Cảm ơn khi nhận được các ý kiến đóng góp của nhân dân. Xin lỗi khi nhận được ý kiến phản ánh chưa hài lòng về chất lượng phục vụ của cán bộ công chức, được nhân dân đánh giá cao, không có khiếu nại vượt cấp.

- Kinh phí đã thực hiện: 38,5 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 15: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, UBND xã giao bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp với các tổ chức chính trị, các khu dân cư đẩy mạnh các hoạt động ở khu có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu về nông thôn mới, chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đã xây dựng 01 mô hình “Tổ hòa giải” điểm tại khu 6. Qua hoạt động mô hình để tuyên truyền phổ biến luật hòa giải ở cơ sở, phổ biến về cách hòa giải, sáng tạo trong việc giải quyết tranh chấp mâu thuẫn trong nhân dân, từ đó tạo sự đoàn kết trong nhân dân, gắn bó tình làng nghĩa xóm, lan tỏa trong cộng đồng.

Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức phù hợp: Ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND, ngày 14/02/2022 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo kế hoạch. Trong năm 2021, 2022 đã phối hợp tổ

chức lồng ghép, tuyên truyền một số nội dung về an toàn giao thông, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới; thông qua các hội nghị lồng ghép, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh giúp cán bộ, nhân dân được tiếp cận với các quy định của pháp luật thông qua nhiều hình thức, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc pháp lý tại địa phương. Đồng thời đã thực hiện kết nối trực tiếp việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh của xã, để phục vụ đông đảo cán bộ, nhân dân tại cơ sở không có điều kiện về dự hội nghị.

Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã theo quy định của Luật phổ biến giáo dục pháp luật. Hàng năm tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo kế hoạch đề ra.

Các thiết chế thông tin, văn hoá, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến luật của nhân dân trên địa bàn xã: hàng tuần xây dựng các nội dung thiết thực tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh của xã về các tin bài đa dạng; Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả tủ sách pháp luật. UBND xã phối hợp với các đoàn thể hàng năm có định hướng nội dung khai thác các câu lạc bộ tuyên truyền, phổ biến pháp luật; CLB phụ nữ nói không với bạo lực gia đình, CLB Đoàn thanh niên với công trường ATGT... có hỗ trợ tài liệu cho các câu lạc bộ.

16.2. Tỷ lệ mẫu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$.

Để nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí về hòa giải ở cơ sở trong tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật, UBND xã thường xuyên kiện toàn tổ hoà giải, hoà giải viên và công nhận tổ trưởng tổ hoà giải và hoà giải viên. Hàng năm, UBND xã phối hợp các tổ chức chính trị, tổ hoà giải các khu dân cư tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở. Kết hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại cơ sở với bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên ở cơ sở.

Trong năm 2022 tổng số tiếp công dân: 23 lượt người, các nội dung tiếp công dân tập trung vào đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai.

- Số đơn thư tiếp nhận là: 23 đơn, số đơn qua phân loại đúng thẩm quyền là: 23 đơn và đã giải quyết song 22/23 đơn = 95,7%; đang giải quyết 01 đơn.

- Năm 2022 hòa giải thành 07/07 vụ = 100%

Việc hòa giải thành được thực hiện ngay từ cơ sở, ngay từ khi mâu thuẫn tranh chấp, mới phát sinh. Vì vậy đã giải quyết mâu thuẫn tranh chấp trong nhân dân, đã góp phần giữ gìn an ninh trật tự trong cộng đồng dân cư.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

Bảng thông tin trợ giúp pháp lý được niêm yết tại trụ sở UBND xã, tại phòng tiếp công dân, tại 7 khu dân cư trong toàn xã, người dân thuận tiện trong việc thấy rõ địa chỉ của trung tâm trợ giúp pháp lý, nội dung trợ giúp pháp lý, đối tượng được trợ giúp pháp lý, để được trợ giúp pháp lý khi yêu cầu. Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã và khu dân cư về các quy định của Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan để 100% người dân thuộc các đối tượng trợ giúp pháp lý được tiếp cận và biết về quyền lợi của mình. Trong năm 2022 không có người dân nào có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 16: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.17. Tiêu chí số 17: Môi trường.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 80\%$

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 25\%$

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 75\%$

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥ 4 m²/người

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác bảo vệ môi trường luôn được địa phương quan tâm chỉ đạo, hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ môi trường, xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện các chiến dịch ngày môi trường, kế hoạch thu gom, xử lý rác thải nhựa. Đề án thu gom rác thải rắn tại nguồn, đồng thời thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức, thói quen của người dân trong công tác bảo vệ môi trường. Do vậy công tác môi trường trên địa bàn xã được thực hiện hiệu quả, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn xã không có khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản tập chung mà chỉ có các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Các hộ chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản đều cách xa khu dân cư, có chuồng trại đáp ứng yêu cầu của luật chăn nuôi, đều có hầm bioga, bể lắng lọc trước khi thải ra môi trường, phương pháp ủ phân theo mô hình sinh học, thu gom chất thải rắn đúng nơi quy định. Đồng thời các hộ kinh doanh, dịch vụ, các hộ chăn nuôi đều ký cam kết bảo vệ môi trường.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: Trên địa bàn có 12 công ty, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và 315 hộ kinh doanh nhỏ lẻ, 100% các hộ đều ký cam kết với UBND xã và thực hiện công tác bảo vệ môi trường như: quản lý chất thải, thu gom nước thải và chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại đều được thu gom đúng theo quy định.

Đối với hộ nuôi trồng thủy sản: Toàn xã có 25 hộ nuôi trồng thủy sản, các hộ nuôi trồng thủy sản đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, nuôi trồng thủy sản, không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép. Hàng năm, UBND xã đã phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức kiểm tra và giao cho các khu dân cư, cộng đồng dân cư tổ chức giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản lý vật tư nông nghiệp, BVMT các hộ theo quy định.

Đối với làng nghề: Trên địa bàn xã có 01 làng nghề hoa đào Nhà Nít. Tại khu 5, xã Thanh Đình được UBND tỉnh Phú Thọ quyết định công nhận làng nghề năm 2013 và được UBND thành phố phê duyệt phương án bảo vệ môi trường của làng nghề. Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường nơi sản xuất, xử lý nguồn nước theo quy định của Nhà nước, ở địa phương, hàng năm UBND xã tổ chức hội nghị tuyên truyền thực hiện công tác bảo vệ môi trường đến các hộ và triển khai ký cam kết bảo vệ môi trường và tổ chức đoàn kiểm tra việc thực hiện cam kết đảm bảo môi trường, 100% các hộ sản xuất kinh doanh đảm bảo theo đúng quy định về luật bảo vệ môi trường.

Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề: 351/351 cơ sở đạt 100%, đảm bảo theo quy định luật bảo vệ môi trường.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.

Hiện nay công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã do Công ty cổ phần môi trường và đô thị thành phố Việt Trì quản lý và tổ chức thu gom từ năm 2022 định kỳ 2 buổi/tuần.

Để thực hiện việc thu gom có hiệu quả UBND xã đã xây dựng triển khai kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã, hướng dẫn nhân dân, các cơ sở sản xuất-kinh doanh, các hộ gia đình tổ chức phân loại rác thải sinh hoạt, chất thải rắn ngay tại nguồn, sau đó tập kết về 1 điểm chung của gia đình, đội thu gom của công ty môi trường đô thị Việt Trì sẽ thu gom và vận chuyển rác đến bãi tập kết xử lý tại Việt Trì và xử lý theo quy định. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước khoảng 1.690,31 tấn/ năm.

Với chất thải rắn nông nghiệp phát sinh từ canh tác, thu hoạch mùa màng chủ yếu là rơm, rạ, thân rễ cây trồng sau thu hoạch... hầu hết được xử lý ngay tại đồng ruộng, được tái sử dụng gần như 100% bằng phương pháp cày lật đất, xử lý bằng men vi sinh, một số hộ nông dân sử dụng làm chất đốt, thức ăn gia súc, ủ phân để bón ruộng, trồng cây.

UBND xã đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội của xã tuyên truyền, vận động và ký cam kết đến từng hộ gia đình để người dân tự giác thu gom phân loại rác thải tại gia đình, tránh tình trạng đổ không đúng nơi quy định của xã; Đối với các chất thải rắn không nguy hại như: Đất, đá, bê tông sau khi xây dựng nhà ở đều được các hộ tận dụng tái sử dụng và san lấp nền móng, đối với loại rác thải nhựa và kim loại tận dụng bán phế liệu.

Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định khoảng 1.450,6 tấn/ 1.690,31 tấn đạt 85,8%.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

Trên địa bàn xã hệ thống nước thải từ các hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và các hộ gia đình. UBND xã đã tuyên truyền vận động hướng dẫn và ký cam kết đến 100% hộ dân, các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng xây dựng dùng bể tự hoại, bể lắng trước khi thải ra môi trường, các đường rãnh thoát nước đều được xây bằng gạch có nắp đậy hoặc bằng ống thoát nước nhựa đảm bảo đến rãnh thoát nước chung của xã và có hệ thống thoát nước mưa riêng không để gây ô nhiễm môi trường. Hệ thống thoát nước của gia đình cũng như của xã thường xuyên được khơi thông, làm sạch đảm bảo an toàn, toàn bộ nước thải đều được xử lý trước khi thải ra môi trường, không có hiện tượng nước thải chảy tràn lan ra đường làng ngõ xóm gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường. Toàn xã có 2.153/2.656 hộ đạt 81% số hộ có công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo theo quy định.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Việc tổ chức thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn, UBND xã phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, khu dân cư tuyên truyền, vận động nhân dân tự phân loại rác thải ngay tại nhà để vận chuyển xử lý theo quy định. Đến nay có (2.278 hộ/2.656 hộ) đạt 85,7% các hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải theo phương pháp tận dụng để tái sử dụng vào mục đích phù hợp như: Chất thải rắn là đất, đá tập kết riêng và có thể tận dụng san lấp vườn, chất thải là tre gỗ có thể tận dụng làm chất đốt. Chất thải thực phẩm được ngâm ủ làm phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi. Các hộ phân loại chất thải rắn có khả năng tái chế như nhựa, nhôm bán cho bên thu mua phế liệu; toàn bộ rác đều được các hộ dân cho vào túi để cho bên thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định. Các khu tổ chức ký cam kết đến 100% các hộ dân cùng thực hiện phân loại rác tại nguồn và bảo vệ môi trường.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn xã không có cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh sản phẩm có chứa chất thải có yếu tố độc hại, lây nhiễm, dễ cháy nổ, gây nhiễm độc hoặc có tính chất nguy hại khác.

Khối lượng chất thải rắn nguy hại trên địa bàn chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân dân như: pin, ắc quy thải bỏ, các loại hóa chất hết hạn sử dụng, bóng đèn huỳnh quang, rác thải điện tử... và bao gói thuốc BVTV sau sử dụng. UBND xã xây dựng kế hoạch Thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại và bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn xã Thanh Đình, chỉ đạo tổ chức

triển khai thực hiện đến các khu dân cư, các ban ngành đoàn thể cùng phối hợp thực hiện, đảm bảo tỷ lệ 100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Về thu gom chất thải nguy hại về y tế: Hiện nay trên địa bàn có 01 trạm y tế và 3 phòng khám tư nhân, với khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh khoảng 0,8 – 1,2 kg/ tuần, hầu như không phát sinh chất thải rắn nguy hại. Trong giai đoạn thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19, các đơn vị đều thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn nguy hại theo quy định, thực hiện vận chuyển, tiêu hủy theo hướng dẫn của Trung tâm Y tế thành phố Việt Trì đảm bảo 100% chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế, y dược tư nhân đều được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý theo quy định.

Đối với chất thải nguy hại từ vỏ bao thuốc BVTV sau sử dụng: Hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch thu gom, xử lý vỏ bao thuốc BVTV trên địa bàn toàn xã. Xây dựng, triển khai được 20 bể chứa đặt tại các xứ đồng trên toàn xã. Tổ khuyến nông xã phối hợp cùng Hội nông dân xã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân kỹ thuật phun thuốc đảm bảo sức khỏe cho người đi phun và thu gom vỏ bao thuốc sau sử dụng cho vào túi nilon và bỏ vào bể chứa để tổ thu gom của xã sẽ tổ chức thu gom, nhờ đó 100% chất thải nguy hại từ vỏ bao thuốc BVTV sau sử dụng được bàn giao cho công ty Môi trường đô thị thu gom và xử lý theo quy định.

Đối với các chất thải rắn nguy hại từ các cơ sở SXKD như: cơ sở cơ khí, sản xuất khung nhôm kính, điện tử-điện lạnh được UBND xã tuyên truyền, hướng dẫn các hộ thực hiện tốt việc phân loại tại nguồn, không để chung với các loại rác thải khác, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị thu gom tiến hành phân loại và phối hợp với đơn vị thu gom tiến hành xử lý theo quy định.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Hiện nay trên địa bàn xã tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường khối lượng bình quân 485,13 tấn/563,43tấn đạt 86,1%.

Đối với chất thải hữu cơ dễ phân huỷ được phân loại và tái sử dụng để ủ làm phân bón cho cây trồng hàng năm, hầu hết được xử lý trên đồng ruộng cày vùi làm phân bón. Cây trồng, cây lâu năm được thu gom ủ gốc cây ăn quả, để hạn chế cỏ dại làm phân bón cho cây trồng, đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt, hiệu quả.

Với chất thải, nước thải chăn nuôi 100% các hộ chăn nuôi và trang trại đều có hầm bioga xử lý để làm nhiên liệu chất đốt, phân động vật chăn nuôi cho ủ hoai mục làm phân hữu cơ bón cho cây trồng.

Đối với phụ phẩm nông nghiệp hàng vụ thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp như rơm, vỏ châu, và cây rau màu, vỏ trái cây. UBND xã đã tuyên truyền, hướng dẫn các hộ dân tự thu gom làm thức ăn cho gia súc, ủ làm phân hữu cơ, làm đệm lót chăn nuôi, trồng cây, đối với phụ phẩm trong nuôi trồng thủy sản như đầu cá, cá vụn phơi khô nghiền làm thức ăn chăn nuôi.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

+ Đối với trang trại: Toàn xã có 01 trang trại chăn nuôi, có 26 hộ nuôi trồng thủy sản, 100% các hộ và trang trại đều tuân thủ đúng quy định về luật chăn nuôi, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, có chuồng trại, thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi; có đủ nguồn nước, có biện pháp bảo vệ môi trường, có hồ sơ ghi chép quá trình chăn nuôi, sử dụng thức ăn, thuốc thú y và giấy tờ truy xuất nguồn gốc. Các hộ chăn nuôi đều thực hiện đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thực hiện các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi theo đúng quy định.

+ Đối với hộ chăn nuôi có 340/364 hộ đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 94,4 %, chuồng trại được đầu tư hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi bằng Bioga và chế phẩm sinh học để ủ phân, xử lý trước khi bón cho cây trồng. Hướng dẫn khử trùng và xử lý khi có dấu hiệu của dịch bệnh, các hộ chăn nuôi đều ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã, đảm bảo đúng quy định.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

Địa phương không có cơ sở hỏa táng, có 5 nghĩa trang (trong đó 01 nghĩa trang liệt sỹ; 4 nghĩa trang nhân dân Nhà Bói, Hóc Ngánh, Lá Bàn, Bò Hóc). Nghĩa trang trên địa bàn xã được quy hoạch theo khu vực riêng biệt, có phạm vi ranh giới và diện tích cụ thể, có người quản trang để quản lý việc chôn cất, cải táng đảm bảo vệ sinh môi trường. UBND xã ban hành quy chế quản lý nghĩa trang phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại. UBND xã ban hành các văn bản điều hành, quy hoạch bố trí sắp xếp các vị trí hung táng, cải táng theo đúng quy định, đảm bảo cách ly an toàn, có phân lô, hàng... diện tích hung táng 0,5m²/mộ, diện tích cải táng 0,3 m²/mộ

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.

Thực hiện quy ước, hương ước, nếp sống văn minh trong việc tang, khuyến khích nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng. UBND xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng trong việc tang, góp phần thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, góp phần bảo vệ môi trường, kiểm soát được ô nhiễm và tiết kiệm đất đai. Trong năm 2022 có 39/49 trường hợp công dân chết và hỏa táng đạt tỷ lệ 79,6 %.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:

Hưởng ứng lời kêu gọi trồng 1 tỷ cây xanh và thực hiện kế hoạch trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2025 của xã. UBND xã đã triển khai, phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phát động toàn dân trồng cây trên các trục đường liên xã, liên khu, liên xóm và các ngõ xóm; trồng được 1,5 km cây bóng mát tại đường 32C; các di tích văn hóa như Đình, Chùa, khu di tích khảo cổ; sân vận động, các trường học, các nhà văn hóa, sân thể thao, tại các hộ gia đình...Đến nay toàn xã đã có hệ thống cây xanh bao phủ với tổng diện tích 41.250 m² đảm bảo cho 8.650 người đạt 4,76 m²/ người.

Bên cạnh đó, đã phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội của địa phương thành lập tổ tự quản tuyên truyền, vận động nhân dân trồng cây xanh, vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vận động các gia đình chỉnh trang nhà cửa đảm bảo cảnh quan môi trường: Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Chất thải nhựa trên địa bàn xã nguồn phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình, cá nhân, từ các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thực hiện kế hoạch phòng, chống rác thải nhựa và đề hạn chế tối đa phát sinh rác thải nhựa của người dân. UBND xây dựng kế hoạch phòng, chống rác thải nhựa, cùng các tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân phòng, chống rác thải nhựa bằng cách nói không với rác thải nhựa, hướng dẫn người dân phân loại nhật riêng rác thải nhựa để bán cho các hộ thu mua chất thải nhựa không để lẫn vào rác thải sinh hoạt, trên địa bàn xã có 7 hộ thu mua phế liệu. UBND xã tổ chức ký cam kết cho các hộ dân về công tác bảo vệ môi trường có 7/7 hộ đạt 100%. Từ đó người dân đã nâng cao ý thức về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là rác thải nhựa không còn tình trạng vứt rác bừa bãi ra kênh mương, ao hồ, tất cả đều được thu, tái sử dụng theo quy định. Tổng khối lượng rác thải nhựa phát sinh được thu gom xử lý là 2,65 tấn/2,9 tấn đạt 91,3%.

- Kinh phí đã thực hiện: 199 triệu đồng.

c) Tự đánh giá tiêu chí số 17: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.18. Tiêu chí số 18: Chất lượng môi trường sống.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là $\geq 35\%$.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là ≥ 60 lít

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững là $\geq 25\%$.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm là 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi xã quản lý.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm là 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là $\geq 80\%$.

18.8 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là $\geq 35\%$.

Nước sạch là nhu cầu cơ bản thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của con người. Theo kết quả điều tra của bộ phận thống kê về nhân khẩu, hộ, lao động và nhà ở toàn xã có 1.864 hộ/2.656 hộ đang dùng nước sạch do công ty TNHH một Thành viên cấp nước Việt Trì cung cấp nước, đạt tỷ lệ 70,2% các hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung, ngoài ra hiện nay có trên 80% hộ có máy lọc nước công nghệ nano.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là ≥ 60 lít.

Công ty cấp nước thường xuyên rà soát đánh giá hiện trạng sử dụng nước của người dân, chất lượng, mức độ và nhu cầu sử dụng nước của các hộ gia đình để công ty có kế hoạch cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng của nhân dân. Hàng năm Công ty có kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo đáp ứng quy chuẩn của Bộ y tế, có hỗ trợ kỹ thuật xử lý nước an toàn đến tận hộ gia đình, không để ô nhiễm nguồn nước, tuyên truyền hướng dẫn

và khuyến khích vận động người dân tham gia đấu nối sử dụng nước an toàn, tiết kiệm. Tỷ lệ cấp nước sinh hoạt đạt bình quân: 570.900 lít/8.650 người, đạt chuẩn bình quân là 66 lít/người/ngày đêm.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững là $\geq 25\%$.

Trên địa bàn xã hiện nay không có công trình cấp nước tập trung, toàn bộ nguồn nước sinh hoạt của các hộ gia đình dùng nước sạch của Công ty TNHH cấp nước một thành viên tỉnh Phú Thọ cung cấp và quản lý, khai thác, vận hành tuân theo quy định của pháp luật hiện hành; có cán bộ đảm bảo chuyên môn, năng lực quản lý vận hành công trình và đạt các tiêu chí hoạt động bền vững của Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm là 100%.

Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống xã hội, chính vì vậy mà UBND xã và các ngành đặc biệt chú trọng công tác vệ sinh ATTP.

Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch, ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các cơ sở về ATTP, chương trình, nội dung và tổ chức tập huấn cho các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Phân công cán bộ chuyên môn, trạm y tế phụ trách tổng hợp danh sách các hộ kinh doanh theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Năm 2022 có 96/96 lượt chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được tập huấn về đảm bảo an toàn trong kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, đạt tỷ lệ 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi xã quản lý.

Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng và quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như tổ chức cho các hộ ký cam kết về an toàn thực phẩm. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục đặc biệt trong các dịp lễ, các ngày tết, ngày kỷ niệm. Hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như treo Băng zôn, khẩu hiệu. Tuyên truyền tại các hội nghị, hệ thống loa truyền thanh để nhân dân và đặc biệt các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đảm bảo an toàn trong chế biến và kinh doanh. Thực hiện ký cam kết theo chu kỳ 1 năm /1 lần đối với các hộ và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn về đảm bảo an toàn trong chế biến, sản xuất, kinh doanh thực phẩm, 100% các hộ đã

thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm. Vì vậy tại địa phương không có vụ việc nào xảy ra về mất an toàn thực phẩm trong nhiều năm trở lại đây.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm là 100%.

Trên địa bàn có 6/6 cơ sở chế biến và kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, đánh giá hàng năm và được cấp chứng nhận về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm, các cơ sở được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, thực hiện ký cam kết về đảm bảo an toàn thực phẩm, không sử dụng chất cấm trong chế biến thực phẩm. Trong nhiều năm gần đây, địa phương không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là $\geq 80\%$.

Thực hiện các cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, UBND xã phối hợp với Hội Phụ nữ xã triển khai sâu rộng đến toàn thể nhân dân trong xã thực hiện xây dựng các công trình vệ sinh, bể chứa sinh hoạt để đảm bảo chất lượng môi trường sống của người dân.

Chương trình vệ sinh môi trường được quan tâm thực hiện, các hộ dân đã tích cực đầu tư chỉnh trang nhà cửa, sân vườn, xây mới các công trình vệ sinh phục vụ sinh hoạt cho gia đình.

Theo điều tra nước sạch nông thôn và nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình năm 2022, trên địa bàn xã có 2.611/2.656 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch “sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ”, đạt 98,3% so với chỉ tiêu của tỉnh.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hiện nay trên địa bàn xã không có điểm chôn lấp chất thải rắn, 100% các hộ gia đình tự phân loại chất thải để cho công ty dịch vụ môi trường và đô thị thu gom chở đến vị trí xử lý rác theo quy định, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, không ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra.

- Kinh phí đã thực hiện: 3,290 tỷ đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 18: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

2.19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng an ninh.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

Hàng năm BCH QS xã chủ động tham mưu với Đảng ủy, ban hành nghị quyết chuyên đề về quân sự quốc phòng và tìm kiếm cứu nạn, UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện.

Ban CHQS xã được biên chế đủ các chức danh, đảm bảo đủ tiêu chuẩn trình độ theo quy định. Chỉ huy trưởng có bằng chuyên môn Cao Đẳng quân sự cơ sở. Hàng năm được tham gia tập huấn bồi dưỡng đầy đủ về chính trị quân sự, pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn.

Công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu luôn được duy trì và thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đúng quy định, quân số tham gia huấn luyện đạt tỷ lệ cao. Lực lượng dân quân được biên chế đủ, tổ chức 1 trung đội dân quân cơ động gồm 28 người. Lực lượng dân quân đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng địa phương, tham gia nòng cốt đội xung kích phòng chống thiên tai, diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng thủ dân sự hàng năm. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật theo quy định của luật, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

Thực hiện tốt việc tuyển sinh quân sự, Tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ công dân nam trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ, hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng. Xã đã ưu tiên bố trí ngân sách, thực hiện chi trả chế độ đầy đủ, đúng, cho lực lượng dân quân, dự bị động viên. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội.

Phối hợp với lực lượng Công an xã theo đúng Quy chế phối hợp 02, 03 đảm bảo giữ gìn ANTT-TTXH nhất là trong các dịp ngày lễ, ngày tết, những ngày trọng đại của đất nước và của địa phương. Kịp thời khen thưởng động viên những tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của lực lượng dân quân, dự bị động viên.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên...

Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã được Đảng ủy, chính quyền luôn luôn coi trọng. Hàng năm Công an xã chủ động tham mưu Đảng ủy, UBND xã, ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ xã ban hành nghị quyết, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

Ngay từ đầu năm, 100% các khu dân cư thực hiện đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, 100% các hộ dân khu dân cư đăng ký phần đầu xây dựng khu dân cư “An toàn về an ninh trật tự”. Năm 2022 xã Thanh Đình đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Tập thể công an xã năm 2022 đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”. Không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật; lực lượng công an xã bán chuyên trách và các lực lượng tự quản được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.

Xây dựng mô hình camera an ninh, lắp đặt 25 camera an ninh tại các đơn vị công sở, trường học, địa điểm di tích, công trình tâm linh, các điểm phục vụ cho công tác đảm bảo an ninh trật tự. Đồng thời, xây dựng mô hình Tổ hòa giải tại Khu 6-Thanh Đình và mô hình “Phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em” trên địa bàn xã Thanh Đình. Qua đó đảm bảo tiêu chí về việc có các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Hoạt động của các tổ chức tự quản được củng cố và duy trì thường xuyên. Kịen toàn 7 ban ANTT gồm 67 thành viên; 14 tổ liên gia tự quản gồm 210 thành viên. Thành lập 7 đội dân phòng PCCC tại 7 khu dân cư; 03 tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” được đông đảo người dân, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tích cực hưởng ứng, tạo phong trào hoạt động sôi nổi, rộng khắp, góp phần kiềm chế giảm tội phạm và tệ nạn xã hội. Vì vậy tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã ổn định, không để xảy ra các hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; không có các hoạt động chống đối Đảng, chống đối chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái phép; gây rối ANTT, mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân không xảy ra; không để khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp.

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng). Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma

túy, trộm cắp, cờ bạc...) và các hành vi, vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, năm sau giảm hơn năm trước, tạo điều kiện thuận lợi để xã thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Xã không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

- Kinh phí đã thực hiện: 73 triệu đồng

c) Tự đánh giá tiêu chí số 19: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được:

Sau hơn 2 năm tập trung triển khai thực hiện Chương trình xây dựng xã NTM nâng cao, khu dân cư NTM kiểu mẫu trên địa bàn, được sự lãnh chỉ đạo sát sao của Thành ủy, UBND thành phố Việt Trì, sự ủng hộ giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn có liên quan của thành phố; sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, được nhân dân và tổ chức, doanh nghiệp đồng tình ủng hộ, tham gia nên đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng; tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, tư tưởng của Nhân dân về quan điểm, xác định rõ hơn vai trò chủ thể của người dân, vì lợi ích của Nhân dân. Khuyến khích, động viên người dân đóng góp tham gia xây dựng NTM nâng cao, chuyển đổi phương thức sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên canh, hàng hóa, làm thay đổi tư duy của người dân trong sản xuất nông nghiệp. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tích cực, thu nhập của người dân được cải thiện rõ rệt, giảm tỷ lệ hộ nghèo, hướng tới mục tiêu không có hộ nghèo (trừ trường hợp bảo trợ xã hội, hoặc bệnh hiểm nghèo bất khả kháng). Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng được đầu tư đưa vào sử dụng đã tạo nhiều thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển, áp dụng cơ giới hóa sản xuất; kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn chỉnh; cảnh quan môi trường được cải thiện, nhà ở dân cư được xây dựng chỉnh trang, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện; an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, dân chủ ở cơ sở được phát huy; cơ cấu kinh tế, lao động tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực.

Từ xây dựng xã NTM nâng cao, hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố và hoạt động có hiệu quả hơn. Đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu công việc, bám sát vào nhu cầu thực tế tại địa phương và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Tạo được niềm tin của nhân dân vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Trong quy hoạch và phát triển sản xuất nông nghiệp đã xây dựng được nhiều mô hình có hiệu quả nhưng quy mô còn nhỏ, sức lan toả còn chậm, chưa có nhiều tổ chức sản xuất hiệu quả, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất còn hạn chế. Việc thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và nông dân đã được hình thành nhưng kết quả còn chưa cao.

Nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản đáp ứng được yêu cầu đối với các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nhưng vẫn còn hạn chế so với tổng mức vốn đầu tư theo quy hoạch của xã.

Công tác đào tạo nghề đã được quan tâm, hàng năm tổ chức đăng ký mở lớp đào tạo nghề theo nhu cầu của nhân dân, song hình thức đào tạo nghề chưa đa dạng, vẫn còn tình trạng nhiều học viên sau khi được đào tạo nghề vẫn không phát huy được nghề đã học.

Việc chuyển dịch cơ cấu lao động, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp ở xã trong xây dựng nông thôn mới nâng cao còn hạn chế. Một bộ phận người dân chưa thực sự quyết liệt việc phát triển ngành nghề sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động.

Sau khi sáp nhập các khu dân cư, số hộ của khu tăng lên trong khi đó quỹ đất các nhà văn hóa cũ còn hạn chế, khó đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trong khu về các hoạt động thể dục thể thao. Việc vận động nhân dân chung tay, góp sức chỉnh trang tu sửa nhà văn hóa, xây dựng nhà văn hóa theo quy hoạch có khu còn gặp nhiều khó khăn.

3. Bài học kinh nghiệm:

Một là: Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Thành ủy, UBND thành phố Việt Trì, sự quan tâm của Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và kế hoạch triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả của Đảng ủy, UBND xã. Nhân dân trong xã vốn có truyền thống đoàn kết, xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ sản xuất, đồng thời phát huy tính tự quản của cộng đồng khu dân cư.

Hai là: Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế-văn hóa, tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện Nghị quyết, thường xuyên chỉ đạo nắm bắt tình hình ở cơ sở để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.

Ba là: Làm tốt công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã hưởng ứng tích cực với nhiều hình thức, hoàn thành mục tiêu đề ra. Phát huy sức

manh đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân. Thực hiện tốt pháp lệnh dân chủ ở cơ sở trong việc bàn bạc thống nhất triển khai và tổ chức thực hiện, nâng cao vai trò của người dân để “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng*”; thực hiện tốt việc công khai, minh bạch nhất là trong huy động các nguồn lực đầu tư.

Bốn là: Đề cán bộ và nhân dân nhận thức rõ vai trò chủ thể trong xây dựng NTM nâng cao là nhân dân. Nhân dân phải tự làm là chính và họ là người được hưởng thụ, Nhà nước chỉ có vai trò hỗ trợ, lợi ích của người dân là động lực và sự tham gia của cộng đồng dân cư là bí quyết thành công. Từ đó tạo sự thống nhất về nhận thức, quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có sự tham gia của cả hệ thống chính trị (Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể) và mọi tầng lớp nhân dân, huy động cao mọi nguồn lực của xã hội cả về trí tuệ, công sức và kinh phí để xây dựng NTM nâng cao.

Năm là: Đảm bảo công khai cho các tổ chức đoàn thể, cán bộ, đảng viên và mọi người dân được trực tiếp tham gia xây dựng các công trình; phát huy vai trò giám sát của Ban giám sát cộng đồng để đảm bảo chất lượng công trình, phát huy hiệu quả vốn đầu tư để nhân dân tin tưởng và tích cực tham gia xây dựng NTM. Đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện những khu, xóm, cụm dân cư làm tốt và những vấn đề còn tồn tại; kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đánh giá rút kinh nghiệm, đồng thời nhân ra diện rộng những điển hình hay cách làm sáng tạo.

Sáu là: Lựa chọn những khu làm điểm có ưu thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội để xây dựng điển hình qua đó, đánh giá, rút kinh nghiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đồng thời là nơi tham quan, học tập cho cán bộ và người dân trực tiếp nhìn thấy hiệu quả, lợi ích của việc xây dựng nông thôn mới nâng cao, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất và đời sống của người dân...

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu:

- Vận động nhân dân hiến đất làm đường giao thông, được nhân dân đồng tình hưởng ứng hiến 2.380m² đất vườn, 500m² đất ở, 2.360m² đất nông nghiệp để xây dựng mở rộng đường giao thông nội đồng và kênh mương trị giá 1,866 tỷ đồng.

- Chính trang lại khuôn viên, sơn sửa lại phần cửa, tường rào Đình và chùa Thanh Đình bằng nguồn xã hội hóa 1,8 tỷ đồng (Đình Thanh Đình 200 triệu đồng, chùa Thanh Đình 1,6 tỷ đồng).

- Xã hội hóa xây dựng 13 công chào, kẻ vẽ 11 bức bích họa tại 7 khu dân cư trị giá 1,144 tỷ đồng.

- Mô hình chăn nuôi cá nước ngọt và mô hình tổ hợp tác gia công cơ khí khung nhôm kính của hội viên hội nông dân, đoàn thanh niên trị giá 5,83 tỷ đồng (cá 1,28 tỷ đồng; khung nhôm kính 4,55 tỷ đồng).

- Mô hình vườn hoa giấy trang trí 0,5km đường Tôn Đức Thắng và trồng đường hoa tại các khu dân cư tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp trị giá 250 triệu đồng.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Quan điểm

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong đó có xây dựng nông thôn mới nâng cao là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị.

Đây là cuộc vận động rộng rãi, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia, trong đó cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động; người dân vừa là chủ thể thực hiện vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả đạt được.

2. Mục tiêu

Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo hướng phát triển bền vững. Đối với các tiêu chí đã đạt, tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục mở rộng làng nghề. Tạo điều kiện tốt nhất về đất đai, thủ tục hành chính, quảng bá hình ảnh, thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư vào địa bàn xã, để thu hút lao động, giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương, giảm nghèo bền vững, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thu nhập của người dân. Chăm lo đầu tư cho giáo dục đào tạo, xây dựng xã hội học tập để nâng cao dân trí. Thực hiện tốt công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn. Nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi người dân trên địa bàn xã Thanh Đình.

Tăng cường xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có khả năng tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Đối với những tiêu chí đã hoàn thành, tiếp tục duy trì và triển khai các tiêu chí tiếp theo của xã nông thôn mới kiểu mẫu. Phân đấu xây dựng quê hương

Thanh Đình trở thành miền quê đáng sống và đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025.

3. Nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

Mục tiêu là tiếp tục xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã hoàn thành. Phân công cán bộ cấp uỷ, chính quyền, phụ trách từng tiêu chí, lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản biện của nhân dân lấy mức sống của cư dân đô thị làm đích để Đảng bộ, chính quyền lãnh đạo nhân dân trong xã đoàn kết, đồng thuận hướng tới. Cụ thể:

3.1. Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội

Có kế hoạch cân đối, bố trí ngân sách cho công tác quản lý bảo trì từ nguồn ngân sách xã. Tiếp tục triển khai quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống đường giao thông. Hoàn thiện hệ thống biển báo giao thông, thực hiện quản lý tải trọng tại các tuyến đường để nghiêm cấm các xe quá tải trọng, ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Nâng cao tỷ lệ tuyến đường có trồng cây xanh, bóng mát, các tuyến đường được giao cho các tổ chức đoàn thể tự quản; đường khu, đường xóm cứng hóa 100%, sạch sẽ và được phát quang vệ sinh thường xuyên.

3.2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Tiếp tục triển khai thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất trọng điểm, đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương (trồng cây hoa đào trong nhà lưới). Tiếp tục tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật và nhân rộng diện tích cây trồng có năng suất và giá trị sản phẩm cao hơn.

Tăng cường thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp với các cây trồng chủ đạo; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Tranh thủ các cơ hội, mời gọi các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển ngành nông nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường các mặt hàng thế mạnh của địa phương.

3.3 Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để nâng cấp các cơ sở hạ tầng thiết yếu, đầu tư cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa của nhà văn hóa của khu dân cư...đảm bảo 100% nhà văn hóa các khu dân cư xung quanh được trồng cây xanh, sân thể thao tại các khu dân cư được vệ sinh sạch sẽ, có các trang thiết bị phù hợp với từng loại hình thể thao.

3.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

*** Về giáo dục**

Đẩy mạnh công nghệ thông tin trong quản lý và đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng học sinh giỏi. Duy trì và nâng cao chất lượng các Trường tiểu học và THCS; phấn đấu hoàn thành đạt chuẩn mức độ 2 của Trường Mầm non, Trường THCS; duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ cấp độ 2 trên địa bàn.

Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng và trang bị cơ sở vật chất cho các trường học để đáp ứng nhu cầu dạy và học.

*** Về y tế**

Nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường công tác chỉ đạo về công tác dân số-kế hoạch hoá gia đình, chủ động phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh xảy ra. Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân tham gia mua thẻ Bảo hiểm y tế, phấn đấu bao phủ Bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn xã.

*** Về văn hoá**

Nâng cao chất lượng và phát triển rộng rãi phong trào xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá, xã văn hoá gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” và phong trào thi đua “*chung sức xây dựng nông thôn mới*” ở các khu dân cư; Duy trì 100% các khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa hằng năm.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong việc huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá ở cơ sở, thường xuyên duy trì phong trào thể thao quần chúng.

*** Về môi trường**

Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường. Chỉ đạo trang trại, các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn làm tốt các khâu xử lý chất thải không làm ảnh hưởng đến môi trường.

3.5. về hệ thống chính trị, an ninh trật tự và xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

a) Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

Duy trì hiệu quả của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thành mô hình Chính phủ điện tử trong hành chính công đối với các bộ phận trong UBND xã, theo chỉ đạo, hướng dẫn của UBND thành phố.

Đảng bộ xã giữ vững hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, được công nhận trong sạch vững mạnh; Các đoàn thể đạt xuất sắc.

Nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ, nâng cao chất lượng hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát cộng đồng và có chương trình, kế hoạch hoạt động, phát huy hiệu quả.

Tổ tư vấn pháp luật, chính sách cho người dân hoạt động nề nếp có hiệu quả. Người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thực hiện tốt quy ước của cộng đồng dân cư.

Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức trong việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao. Xây dựng phương án cải tiến nội dung phương pháp hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh. Phấn đấu giữ vững danh hiệu xuất sắc đối với tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát động và chỉ đạo thực hiện sâu rộng phong trào học tập tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho đội ngũ cán bộ ở khu dân cư.

b) Quốc phòng và An ninh

Phấn đấu hàng năm Ban chỉ huy Quân sự được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Hàng năm cấp ủy, chính quyền có Nghị quyết, Kế hoạch về công tác quốc phòng và ANTT. Được triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả.

7/7 khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT; không để xảy ra những sự việc phức tạp về an ninh trật tự. Công an xã đạt danh hiệu tiên tiến, không có cán bộ công an xã vi phạm kỷ luật.

Không có cá nhân cơ hội, bất mãn hoạt động chống đối Đảng và Nhà nước, không có hoạt động truyền đạo trái phép.

Kiểm chế và giảm tội phạm hình sự, ma túy, cờ bạc, không để xảy ra trọng án, không có tội phạm hoạt động có tổ chức, côn đồ, bạo lực.

Không có vụ việc tham nhũng, vi phạm kinh tế, môi trường cháy nổ gây hậu quả nghiêm trọng.

Thực hiện tốt các mô hình về phong trào bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật, phát động sâu rộng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự. Tăng cường công tác nắm tình hình,

phòng ngừa từ xa. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm; tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.6. Về Khu dân cư

Tuyên truyền, vận động cho nhân dân hiểu đúng, xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Thông qua các buổi họp chi bộ, khu dân cư, tuyên truyền các chủ trương, chính sách và nội dung 14 tiêu chí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đến toàn thể nhân dân.

3.7. Về Trách nhiệm người dân

Tích cực tham gia phát triển sản xuất; Tham gia các lớp đào tạo nghề để tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất nhằm giảm chi phí, tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm; liên kết sản xuất nhằm nâng cao thu nhập cho chính mình.

Tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt trong xây dựng các công trình của hộ gia đình, cũng như trong phát triển sản xuất.

Thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới; Đưa trẻ đến trường học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học, cùng với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục con em, động viên con em trong độ tuổi đi học đến trường.

Thực hiện chỉnh trang nhà ở của gia đình, có nhà vệ sinh, bố trí chăn nuôi xa khu dân cư; đảm bảo vệ sinh môi trường; cải tạo vườn tạp, ao hồ, làm tường rào quanh nhà để tạo cảnh quan đẹp; có trách nhiệm duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng, giữ đường khu, ngõ xóm sạch, đẹp; thực hiện tốt các quy định của Nhà nước khi tham gia giao thông, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Tham gia cùng chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2022 của UBND xã Thanh Đình, kính đề nghị UBND tỉnh Phú Thọ, UBND thành phố Việt Trì, các Sở, Ban ngành của Tỉnh thẩm định xét công nhận xã Thanh Đình đạt nông thôn mới nâng cao năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Phú Thọ;
- BCĐ các chương trình MTQG tỉnh;
- VPĐP CTMTQG XDNTM tỉnh;
- UBND thành phố Việt Trì;
- BCĐ XDNTM, NC xã;
- Các Tổ chức chính trị -XH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Quyết Chiến

